



LỊCH THI HỌC KỲ I (2024-2025)
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040603	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	15	G604	7:30	2	18/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040603	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	9	G604	9:30	2	18/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040604	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	6	G604	9:30	2	18/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040604	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	15	G601	12:30	2	18/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040604	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	18	G601	14:30	2	18/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040601	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	14	G602	7:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040603	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	1	G602	7:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040603	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	15	G602	9:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040604	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	1	G602	9:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040601	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	15	G602	12:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040601	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	12	G602	14:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040602	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	2	G602	14:30	5	21/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040602	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	16	G601	12:30	6	22/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040602	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	18	G601	14:30	6	22/11/2024			thi theo lịch riêng, danh sách thi GV đã công bố trên lớp
15	Bảo hiểm hàng không	010100012801	22ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	54	G205	7:30	8	24/11/2024			
16	Bảo hiểm hàng không	010100012802	22ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	23	G201	7:30	8	24/11/2024			
17	Bảo hiểm hàng không	010100012803	22ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G302	7:30	8	24/11/2024	1	1-30	
18	Bảo hiểm hàng không	010100012803	22ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G303	7:30	8	24/11/2024	2	31-60	
19	Bảo hiểm hàng không	010100012804	22ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G307	7:30	8	24/11/2024	1	1-30	
20	Bảo hiểm hàng không	010100012804	22ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G308	7:30	8	24/11/2024	2	31-60	
21	Bảo hiểm hàng không	010100012805	22ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G207	7:30	8	24/11/2024	1	1-30	
22	Bảo hiểm hàng không	010100012805	22ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G304	7:30	8	24/11/2024	2	31-60	
23	Cảm biến	011100089101	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	21	G202	7:30	8	24/11/2024			
24	Cảm biến	011100089102	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	49	G203	7:30	8	24/11/2024			
25	Cảm biến	011100089103	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	45	G204	7:30	8	24/11/2024			
26	Quản lý luồng hàng không	030100074201	22CDKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	22	G301	7:30	8	24/11/2024			
27	Kinh tế quốc tế	010100030201	23ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	60	G307	9:30	8	24/11/2024	1	1-30	
28	Kinh tế quốc tế	010100030201	23ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	60	G308	9:30	8	24/11/2024	2	31-60	
29	Kinh tế quốc tế	010100030202	23ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	59	G406	9:30	8	24/11/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
30	Kinh tế quốc tế	010100030203	23ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	60	G407	9:30	8	24/11/2024	1	1-30	
31	Kinh tế quốc tế	010100030203	23ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	60	G408	9:30	8	24/11/2024	2	31-60	
32	Kinh tế quốc tế	010100030204	23ĐHKV04	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	57	G501	9:30	8	24/11/2024	1	1-30	
33	Kinh tế quốc tế	010100030204	23ĐHKV04	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	57	G502	9:30	8	24/11/2024	2	31-58	
34	Kinh tế quốc tế	010100030205	23ĐHKV05	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	80	G207	9:30	8	24/11/2024	1	1-50	
35	Kinh tế quốc tế	010100030205	23ĐHKV05	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	80	G302	9:30	8	24/11/2024	2	51-80	
36	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093701	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G204	9:30	8	24/11/2024			
37	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093702	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	39	G303	9:30	8	24/11/2024			
38	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093703	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	39	G304	9:30	8	24/11/2024			
39	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093704	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	39	G305	9:30	8	24/11/2024			
40	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093706	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G205	9:30	8	24/11/2024			
41	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093707	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	32	G301	9:30	8	24/11/2024			
42	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093709	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G113	9:30	8	24/11/2024			
43	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093710	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	40	G203	9:30	8	24/11/2024			
44	Liên lạc và giám sát theo tính năng	011100142901	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	51	G601	9:30	8	24/11/2024	1	1-25	
45	Liên lạc và giám sát theo tính năng	011100142901	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	51	G602	9:30	8	24/11/2024	2	26-51	
46	An toàn hàng không	030100008101	23CĐKL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	27	G202	9:30	8	24/11/2024			ghép phòng
47	An toàn hàng không	030100008102	19CĐĐT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	1	G202	9:30	8	24/11/2024			ghép phòng
48	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024401	23ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	144	G204	12:30	8	24/11/2024	1	1-50	
49	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024401	23ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	144	G207	12:30	8	24/11/2024	2	51-100	
50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024401	23ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	144	G305	12:30	8	24/11/2024	3	101-144	
51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024403	23ĐHNA03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	145	G113	12:30	8	24/11/2024	1	1-50	
52	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024403	23ĐHNA03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	145	G304	12:30	8	24/11/2024	2	51-100	
53	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024403	23ĐHNA03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	145	G407	12:30	8	24/11/2024	3	101-145	
54	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024405	23ĐHNA05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	147	G203	12:30	8	24/11/2024	1	1-50	
55	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024405	23ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	147	G303	12:30	8	24/11/2024	2	51-100	
56	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010100024405	23ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	147	G205	12:30	8	24/11/2024	3	101-147	
57	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	011100049001	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	47	G406	12:30	8	24/11/2024			
58	Tổng quan công trình xây dựng cảng hàng không	011100129301	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	14	G201	12:30	8	24/11/2024			
59	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001610	23ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	87	G203	14:30	8	24/11/2024	1	1-50	
60	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001610	23ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	87	G207	14:30	8	24/11/2024	2	51-87	
61	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093705	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	39	G303	14:30	8	24/11/2024			
62	Dẫn luận ngôn ngữ học	010100093708	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	39	G304	14:30	8	24/11/2024			
63	Tinh thần lãnh đạo Hàng không	010100111501	22ĐHKVKH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	15	G202	14:30	8	24/11/2024			
64	Đo lường điện tử	011100019904	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	48	G204	14:30	8	24/11/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
65	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	011100142401	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G205	14:30	8	24/11/2024			
66	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	011100142402	23ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	60	G305	14:30	8	24/11/2024			
67	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	011100142601	22ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	53	G113	14:30	8	24/11/2024			
68	Kỹ thuật thi công nhà ga và nhà cao tầng	011100171801	23ĐHXL01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	15	G201	14:30	8	24/11/2024			
69	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094301	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	38	G602	7:30	3	26/11/2024	1	1-18	
70	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094302	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G601	7:30	3	26/11/2024	1	1-20	
71	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094301	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	38	G602	9:30	3	26/11/2024	2	19-38	
72	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094302	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G601	9:30	3	26/11/2024	2	21-40	
73	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094303	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	32	G601	12:30	3	26/11/2024	1	1-15	
74	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094306	22ĐHNAHL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G602	12:30	3	26/11/2024	1	1-20	
75	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094303	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	32	G601	14:30	3	26/11/2024	2	16-32	
76	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	010100094306	22ĐHNAHL	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	40	G602	14:30	3	26/11/2024	2	21-40	
77	Biên dịch	010100121501	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G203	7:30	8	01/12/2024			
78	Biên dịch	010100121502	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G204	7:30	8	01/12/2024			
79	Biên dịch	010100121504	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G303	7:30	8	01/12/2024			
80	Biên dịch	010100121505	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	36	G304	7:30	8	01/12/2024			
81	Warehouse management	010100160201	22FIATA	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	14	G202	7:30	8	01/12/2024			
82	Lịch sử Đảng	011100052403	23ĐHKL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	136	G205	7:30	8	01/12/2024	1	1-70	
83	Lịch sử Đảng	011100052403	23ĐHKL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	136	G305	7:30	8	01/12/2024	2	71-136	
84	Lịch sử Đảng	010100052401	23ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G205	9:30	8	01/12/2024	1	1-70	
85	Lịch sử Đảng	010100052401	23ĐHNA01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G203	9:30	8	01/12/2024	2	71-124	
86	Lịch sử Đảng	010100052403	23ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G305	9:30	8	01/12/2024	1	1-70	
87	Lịch sử Đảng	010100052403	23ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G204	9:30	8	01/12/2024	2	71-117	
88	Lịch sử Đảng	011100052402	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	128	G406	9:30	8	01/12/2024	1	1-70	
89	Lịch sử Đảng	011100052402	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	128	G302	9:30	8	01/12/2024	2	71-100	
90	Lịch sử Đảng	011100052402	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	128	G307	9:30	8	01/12/2024	3	101-128	
91	Lịch sử Đảng	010100052402	23ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	129	G303	12:30	8	01/12/2024	1	1-50	
92	Lịch sử Đảng	010100052402	23ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	129	G203	12:30	8	01/12/2024	2	51-100	
93	Lịch sử Đảng	010100052402	23ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	129	G302	12:30	8	01/12/2024	3	101-129	
94	Lịch sử Đảng	011100052401	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G406	12:30	8	01/12/2024	1	1-70	
95	Lịch sử Đảng	011100052401	23ĐHĐT01; 23ĐHXL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G504	12:30	8	01/12/2024	2	71-100	
96	Lịch sử Đảng	011100052401	23ĐHĐT01; 23ĐHXL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G601	12:30	8	01/12/2024	3	101-130	
97	Cơ học kết cấu 2	011100115901	23ĐHXL01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	14	G301	12:30	8	01/12/2024			
98	Biên dịch	010100121503	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G113	14:30	8	01/12/2024			
99	Biên dịch	010100121506	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G303	14:30	8	01/12/2024			
100	Biên dịch	010100121507	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G304	14:30	8	01/12/2024			
101	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004001	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	2	59	G202	14:30	8	01/12/2024	1	1-30	
102	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004001	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	2	59	G301	14:30	8	01/12/2024	2	31-59	
103	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004003	23ĐHKL03	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	2	59	G406	14:30	8	01/12/2024			
104	Kết cấu bê tông cốt thép	011100116101	23ĐHXL01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	29	G302	14:30	8	01/12/2024			
105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001611	23ĐHKV01; 23ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	92	G207	7:30	2	02/12/2024	1	1-50	
106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001611	23ĐHKV01; 23ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	92	G304	7:30	2	02/12/2024	2	51-92	
107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001613	23ĐHKV03; 23ĐHKV04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	113	G205	7:30	2	02/12/2024	1	1-70	
108	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001613	23ĐHKV03; 23ĐHKV04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	113	G303	7:30	2	02/12/2024	2	71-113	
109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001601	23ĐHKL01; 23ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	104	G204	7:30	2	02/12/2024	1	1-50	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001601	23ĐHKL01; 23ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	104	G305	7:30	2	02/12/2024	2	51-105	
111	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001602	23ĐHKT01; 23ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	50	G113	7:30	2	02/12/2024			
112	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001604	23ĐHKL03; 23ĐHKT03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	93	G203	7:30	2	02/12/2024	1	1-50	
113	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001604	23ĐHKL03; 23ĐHKT03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	93	G407	7:30	2	02/12/2024	2	51-93	
114	Pháp luật hàng không	010100001301	23ĐHQTVT1; 23ĐHQTVT2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G203	9:30	2	02/12/2024	1	1-45	
115	Pháp luật hàng không	010100001301	23ĐHQTVT1; 23ĐHQTVT2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G204	9:30	2	02/12/2024	2	46-90	
116	Pháp luật hàng không	010100001301	23ĐHQTVT1; 23ĐHQTVT2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G202	9:30	2	02/12/2024	3	91-117	
117	Pháp luật hàng không	010100001304	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	118	G205	9:30	2	02/12/2024	1	1-70	
118	Pháp luật hàng không	010100001304	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	118	G207	9:30	2	02/12/2024	2	71-119	
119	Pháp luật hàng không	010100001305	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	98	G303	9:30	2	02/12/2024	1	1-50	
120	Pháp luật hàng không	010100001305	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	98	G304	9:30	2	02/12/2024	2	51-99	
121	Vận tải đa phương thức	010100147801	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	39	G113	9:30	2	02/12/2024			
122	Quản lý dự án xây dựng	011100128001	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	20	G201	9:30	2	02/12/2024			
123	Vẽ kỹ thuật	030100067301	23CĐCK01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	24	G301	9:30	2	02/12/2024			
124	Quản trị doanh thu hàng hàng không	010100158201	22ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	26	G605	12:30	2	02/12/2024			
125	Lý thuyết đồ thị	010100084701	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	60	G201	12:30	2	02/12/2024	1	1-30	
126	Lý thuyết đồ thị	010100084701	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	60	G202	12:30	2	02/12/2024	2	31-60	
127	Lý thuyết đồ thị	010100084702	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	63	G205	12:30	2	02/12/2024			
128	Lý thuyết đồ thị	010100084703	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	63	G305	12:30	2	02/12/2024			
129	Lý thuyết đồ thị	010100084704	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	63	G406	12:30	2	02/12/2024			
130	Lý thuyết đồ thị	010100084705	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	66	G307	12:30	2	02/12/2024	1	1-30	
131	Lý thuyết đồ thị	010100084705	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	66	G304	12:30	2	02/12/2024	2	31-66	
132	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100147201	22ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	32	G608	12:30	2	02/12/2024			
133	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100147202	22ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	50	G203	12:30	2	02/12/2024			
134	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	010100147203	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	52	G303	12:30	2	02/12/2024			
135	Sức bền vật liệu	011100061901	23ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	51	G204	12:30	2	02/12/2024			
136	Sức bền vật liệu	011100061902	23ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	60	G301	12:30	2	02/12/2024	1	1-30	
137	Sức bền vật liệu	011100061902	23ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	60	G302	12:30	2	02/12/2024	2	31-60	
138	Sức bền vật liệu	011100061903	23ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	47	G113	12:30	2	02/12/2024			
139	Thủy lực	011100116701	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	14	G504	12:30	2	02/12/2024			
140	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001601	23ĐHKT01; 23ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	109	G305	14:30	2	02/12/2024	1	1-70	
141	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001601	23ĐHTT01; 23ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	109	G207	14:30	2	02/12/2024	2	71-110	
142	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001605	23ĐHDL03; 23ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	107	G406	14:30	2	02/12/2024	1	1-70	
143	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001605	23ĐHDL03; 23ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	107	G303	14:30	2	02/12/2024	2	71-107	
144	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001614	23ĐHQTTH1; 23ĐHQTTH2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	48	G204	14:30	2	02/12/2024			
145	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001618	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G407	14:30	2	02/12/2024	1	1-50	
146	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001618	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G304	14:30	2	02/12/2024	2	51-100	
147	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001618	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	117	G302	14:30	2	02/12/2024	3	101-117	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
148	Qui tắc bay	011100031401	23ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	46	G203	14:30	2	02/12/2024			
149	Kế toán quản trị	010100074901	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	32	G202	7:30	3	03/12/2024			
150	Nghe - Nói 4	010100092507	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G601	7:30	3	03/12/2024	1	1-10	
151	Nghe - Nói 4	010100092507	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G602	7:30	3	03/12/2024	2	11-20	
152	Nghe - Nói 4	010100092507	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G603	7:30	3	03/12/2024	3	21-30	
153	Nghe - Nói 4	010100092507	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G604	7:30	3	03/12/2024	4	31-39	
154	Quản trị đa văn hóa	010100149802	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G302	7:30	3	03/12/2024	1	1-30	
155	Quản trị đa văn hóa	010100149802	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G307	7:30	3	03/12/2024	2	31-58	
156	Quản trị đa văn hóa	010100149805	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G608	7:30	3	03/12/2024	1	1-30	
157	Quản trị đa văn hóa	010100149805	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G609	7:30	3	03/12/2024	2	31-59	
158	Quản trị đa văn hóa	010100149806	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	H001	7:30	3	03/12/2024	1	1-30	
159	Quản trị đa văn hóa	010100149806	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	H002	7:30	3	03/12/2024	2	31-59	
160	Quản trị đa văn hóa	010100149808	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G204	7:30	3	03/12/2024	1	1-30	
161	Quản trị đa văn hóa	010100149808	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G304	7:30	3	03/12/2024	2	31-58	
162	Khí động học 1	011100105501	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	61	G203	7:30	3	03/12/2024	1	1-30	
163	Khí động học 1	011100105501	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	61	G113	7:30	3	03/12/2024	2	31-62	
164	Khí động học 1	011100105502	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	53	G305	7:30	3	03/12/2024			
165	Khí động học 1	011100105503	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	44	G303	7:30	3	03/12/2024			
166	Cánh quạt tàu bay	030100066501	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	2	26	G201	7:30	3	03/12/2024			
167	Kế toán quản trị	010100074902	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	42	G304	9:30	3	03/12/2024			
168	Nghe - Nói 4	010100092508	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	3	03/12/2024	1	1-10	
169	Nghe - Nói 4	010100092508	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	9:30	3	03/12/2024	2	11-20	
170	Nghe - Nói 4	010100092508	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	3	03/12/2024	3	21-30	
171	Nghe - Nói 4	010100092508	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	9:30	3	03/12/2024	4	31-40	
172	Bảo hiểm xã hội	010100138801	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	56	G406	9:30	3	03/12/2024			
173	Bảo hiểm xã hội	010100138802	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	55	G504	9:30	3	03/12/2024	1	1-25	
174	Bảo hiểm xã hội	010100138802	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	55	G605	9:30	3	03/12/2024	2	26-55	
175	Quản trị đa văn hóa	010100149801	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G203	9:30	3	03/12/2024	1	1-30	
176	Quản trị đa văn hóa	010100149801	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G204	9:30	3	03/12/2024	2	31-58	
177	Quản trị đa văn hóa	010100149804	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G608	9:30	3	03/12/2024	1	1-30	
178	Quản trị đa văn hóa	010100149804	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G609	9:30	3	03/12/2024	2	31-60	
179	Quản trị đa văn hóa	010100149809	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	H002	9:30	3	03/12/2024	1	1-30	
180	Quản trị đa văn hóa	010100149809	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	H003	9:30	3	03/12/2024	2	31-60	
181	Customs	010100161201	22FIATA	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	14	G302	9:30	3	03/12/2024			
182	Các hệ thống trên tàu bay 2	010800054201	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	4	50	G113	9:30	3	03/12/2024			
183	Điện tử công suất	011100014601	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	48	G207	9:30	3	03/12/2024			
184	Điện tử công suất	011100014602	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	39	G303	9:30	3	03/12/2024			
185	Cơ học đất	011100115801	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	14	G301	9:30	3	03/12/2024			
186	Động cơ turbine khí	030100053701	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	23	G201	9:30	3	03/12/2024			
187	Cơ học và tính năng tàu bay	030100065901	23CĐKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	24	G202	9:30	3	03/12/2024			
188	Hành lý bất thường	030100069001	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	2	59	G305	9:30	3	03/12/2024			
189	Quản trị dự án	010100011203	22ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	62	G202	12:30	3	03/12/2024	1	1-30	
190	Quản trị dự án	010100011203	22ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	62	G301	12:30	3	03/12/2024	2	31-62	
191	Quản trị dự án	010100011204	22ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	63	G308	12:30	3	03/12/2024	1	1-32	
192	Quản trị dự án	010100011204	22ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	63	G302	12:30	3	03/12/2024	2	33-63	
193	Quản trị dự án	010100011205	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	64	G307	12:30	3	03/12/2024	1	1-32	
194	Quản trị dự án	010100011205	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	64	G501	12:30	3	03/12/2024	2	33-64	
195	Quản trị dự án	010100011206	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	62	G408	12:30	3	03/12/2024	1	1-30	
196	Quản trị dự án	010100011206	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	62	G502	12:30	3	03/12/2024	2	31-62	
197	Quản trị dự án	010100011207	22ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	61	G503	12:30	3	03/12/2024	1	1-30	
198	Quản trị dự án	010100011207	22ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	61	G505	12:30	3	03/12/2024	2	31-61	
199	Nghe - Nói 4	010100092509	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	G601	12:30	3	03/12/2024	1	1-12	
200	Nghe - Nói 4	010100092509	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	G602	12:30	3	03/12/2024	2	13-24	
201	Nghe - Nói 4	010100092509	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	G603	12:30	3	03/12/2024	3	25-35	
202	Kinh doanh quốc tế	010100150701	23ĐHQTTTH1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	52	G303	12:30	3	03/12/2024			
203	Kinh doanh quốc tế	010100150702	23ĐHQTTTH2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	19	G201	12:30	3	03/12/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
204	Kinh doanh quốc tế	010100150703	23ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	G504	12:30	3	03/12/2024	1	1-30	
205	Kinh doanh quốc tế	010100150703	23ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	H001	12:30	3	03/12/2024	2	31-58	
206	Kinh doanh quốc tế	010100150704	23ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	H002	12:30	3	03/12/2024	1	1-30	
207	Kinh doanh quốc tế	010100150704	23ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	H003	12:30	3	03/12/2024	2	31-58	
208	Dịch vụ không lưu	011100003601	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G203	12:30	3	03/12/2024			
209	Dịch vụ không lưu	011100003602	23ĐHKL03	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G205	12:30	3	03/12/2024			
210	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	011100067501	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	40	G204	12:30	3	03/12/2024			
211	Điện - điện tử tàu bay	011100071801	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	36	G113	12:30	3	03/12/2024			
212	Điện - điện tử tàu bay	011100071802	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	48	G304	12:30	3	03/12/2024			
213	Hệ điều hành	010100039501	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	64	G305	14:30	3	03/12/2024			
214	Hệ điều hành	010100039502	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G406	14:30	3	03/12/2024			
215	Hệ điều hành	010100039503	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G201	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
216	Hệ điều hành	010100039503	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G202	14:30	3	03/12/2024	2	31-59	
217	Hệ điều hành	010100039504	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G301	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
218	Hệ điều hành	010100039504	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G203	14:30	3	03/12/2024	2	31-58	
219	Hệ điều hành	010100039505	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G204	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
220	Hệ điều hành	010100039505	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G302	14:30	3	03/12/2024	2	31-60	
221	Nghe - Nói 4	010100092510	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G601	14:30	3	03/12/2024	1	1-12	
222	Nghe - Nói 4	010100092510	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G602	14:30	3	03/12/2024	2	13-24	
223	Nghe - Nói 4	010100092510	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G603	14:30	3	03/12/2024	3	25-37	
224	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118501	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G307	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
225	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118501	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G303	14:30	3	03/12/2024	2	31-60	
226	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118502	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	57	G504	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
227	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118502	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	57	G604	14:30	3	03/12/2024	2	31-57	
228	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118504	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	56	G605	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
229	Phân tích định lượng trong quản trị	010100118504	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	56	G608	14:30	3	03/12/2024	2	31-57	
230	Quản trị đa văn hóa	010100149810	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G304	14:30	3	03/12/2024	1	1-30	
231	Quản trị đa văn hóa	010100149810	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G609	14:30	3	03/12/2024	2	31-58	
232	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	011100067502	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	62	G205	14:30	3	03/12/2024			
233	Quản trị rủi ro	010100012101	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	83	G203	7:30	4	04/12/2024	1	1-50	
234	Quản trị rủi ro	010100012101	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	83	G204	7:30	4	04/12/2024	2	51-83	
235	Đọc - Viết 4	010100093001	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G303	7:30	4	04/12/2024			
236	Đọc - Viết 4	010100093002	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G304	7:30	4	04/12/2024			
237	Đọc - Viết 4	010100093004	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	32	G608	7:30	4	04/12/2024			
238	Đọc - Viết 4	010100093008	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G305	7:30	4	04/12/2024			
239	Quản trị giữ chân người lao động	010100119801	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	54	G201	7:30	4	04/12/2024	1	1-30	
240	Quản trị giữ chân người lao động	010100119801	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	54	G202	7:30	4	04/12/2024	2	31-54	
241	Quản trị giữ chân người lao động	010100119802	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G301	7:30	4	04/12/2024	1	1-30	
242	Quản trị giữ chân người lao động	010100119802	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G302	7:30	4	04/12/2024	2	31-60	
243	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	23ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	60	G205	7:30	4	04/12/2024			
244	Cơ sở điều khiển tự động	011100014802	23ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	39	G113	7:30	4	04/12/2024			
245	Cơ sở điều khiển tự động	011100014803	23ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	59	G307	7:30	4	04/12/2024	1	1-30	
246	Cơ sở điều khiển tự động	011100014803	23ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	59	G308	7:30	4	04/12/2024	2	31-60	
247	Hành vi tổ chức	010100044701	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	84	G406	9:30	4	04/12/2024	1	1-60	
248	Hành vi tổ chức	010100044701	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	84	G302	9:30	4	04/12/2024	2	61-84	
249	Airport Operations Management	010100156201	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	25	G202	9:30	4	04/12/2024			
250	Pháp luật hàng không	011100001302	22ĐHKT01; 22ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	113	G407	9:30	4	04/12/2024	1	1-50	
251	Pháp luật hàng không	011100001302	22ĐHKT01; 22ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	113	G308	9:30	4	04/12/2024	2	51-80	
252	Pháp luật hàng không	011100001302	22ĐHKT01; 22ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	113	G408	9:30	4	04/12/2024	3	81-100	
253	Pháp luật hàng không	011100001302	22ĐHKT01; 22ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	113	G501	9:30	4	04/12/2024	4	100-117	
254	Angten truyền sóng	011100020001	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	43	H001	9:30	4	04/12/2024	1	1-20	
255	Angten truyền sóng	011100020001	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	43	H002	9:30	4	04/12/2024	2	21-43	
256	Angten truyền sóng	011100020002	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	30	G301	9:30	4	04/12/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
257	Thực hiện theo dõi chuyến bay	011100142701	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	3	61	G605	9:30	4	04/12/2024	1	1-30	
258	Thực hiện theo dõi chuyến bay	011100142701	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	3	61	G608	9:30	4	04/12/2024	2	31-61	
259	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	030100052201	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	52	G207	9:30	4	04/12/2024			
260	Tin học	030100059401	23CĐCK01	Khoa Công nghệ thông tin	Thực hành	3	27	D02	9:30	4	04/12/2024			
261	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	030100099701	23CĐKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	23	G201	9:30	4	04/12/2024			
262	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011701	23ĐHKV02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G205	12:30	4	04/12/2024			
263	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011702	23ĐHKV03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G305	12:30	4	04/12/2024			
264	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011703	23ĐHKV04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	59	G406	12:30	4	04/12/2024			
265	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011704	23ĐHKV05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	59	G202	12:30	4	04/12/2024	1	1-30	
266	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011704	23ĐHKV05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	59	G301	12:30	4	04/12/2024	2	31-59	
267	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011705	23ĐHKV01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	59	G302	12:30	4	04/12/2024	1	1-30	
268	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011705	23ĐHKV01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	59	G307	12:30	4	04/12/2024	2	31-59	
269	Phân tích hoạt động kinh doanh	010100011706	23ĐHKV01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	41	G204	12:30	4	04/12/2024			
270	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	010800071502	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	52	G303	12:30	4	04/12/2024			
271	Thiết kế phương thức bay	010800081801	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	4	47	G203	12:30	4	04/12/2024			
272	Quản lý Cảng Hàng không - Sân bay	011100142801	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G504	12:30	4	04/12/2024	1	1-30	
273	Quản lý Cảng Hàng không - Sân bay	011100142801	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G609	12:30	4	04/12/2024	2	31-59	
274	Quản lý Cảng Hàng không - Sân bay	011100142802	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	H001	12:30	4	04/12/2024	1	1-30	
275	Quản lý Cảng Hàng không - Sân bay	011100142802	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	H002	12:30	4	04/12/2024	2	31-60	
276	Quy tắc bay	030100031401	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	6	G201	12:30	4	04/12/2024			ghép phòng
277	Hệ thống điện tàu bay	030100068301	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	24	G201	12:30	4	04/12/2024			ghép phòng
278	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	030100069101	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Trắc nghiệm online	4	52	G113	12:30	4	04/12/2024			
279	Quy hoạch Cảng HK	010100018001	22ĐHQTC1	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	51	G204	14:30	4	04/12/2024			
280	Quy hoạch Cảng HK	010100018002	22ĐHQTC2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	60	G308	14:30	4	04/12/2024	1	1-30	
281	Quy hoạch Cảng HK	010100018002	22ĐHQTC2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	60	G408	14:30	4	04/12/2024	2	31-60	
282	Quy hoạch Cảng HK	010100018003	22ĐHQTC3	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	60	G501	14:30	4	04/12/2024	1	1-30	
283	Quy hoạch Cảng HK	010100018003	22ĐHQTC3	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	60	G502	14:30	4	04/12/2024	2	31-60	
284	Thị trường chứng khoán	010100099801	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	79	G205	14:30	4	04/12/2024	1	1-50	
285	Thị trường chứng khoán	010100099801	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	79	G303	14:30	4	04/12/2024	2	51-79	
286	Quản trị văn phòng	010100139001	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	46	G203	14:30	4	04/12/2024			
287	Quản trị văn phòng	010100139002	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	60	G608	14:30	4	04/12/2024	1	1-30	
288	Quản trị văn phòng	010100139002	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	60	G609	14:30	4	04/12/2024	2	31-60	
289	Strategic Management	010100153301	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	26	G202	14:30	4	04/12/2024			
290	Dịch vụ kiểm soát đường dài	011100067601	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	54	G113	14:30	4	04/12/2024			
291	Hệ thống cơ khí tàu bay 1	030100066701	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	22	G201	14:30	4	04/12/2024			
292	Quản trị Marketing	010100011901	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G502	7:30	5	05/12/2024	1	1-30	
293	Quản trị Marketing	010100011901	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G501	7:30	5	05/12/2024	2	31-60	
294	Quản trị Marketing	010100011907	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G203	7:30	5	05/12/2024	1	1-30	
295	Quản trị Marketing	010100011907	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G204	7:30	5	05/12/2024	2	31-58	
296	Quản trị Marketing	010100011909	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G207	7:30	5	05/12/2024	1	1-30	
297	Quản trị Marketing	010100011909	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G308	7:30	5	05/12/2024	2	31-60	
298	Văn hóa doanh nghiệp	010100012301	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	60	G305	7:30	5	05/12/2024			
299	Văn hóa doanh nghiệp	010100012302	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	56	G406	7:30	5	05/12/2024			
300	Độc - Viết 4	010100093003	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G307	7:30	5	05/12/2024	1	1-20	
301	Độc - Viết 4	010100093003	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G302	7:30	5	05/12/2024	2	21-40	
302	Độc - Viết 4	010100093005	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G301	7:30	5	05/12/2024	1	1-20	
303	Độc - Viết 4	010100093005	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G202	7:30	5	05/12/2024	2	21-39	
304	Độc - Viết 4	010100093009	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	31	G201	7:30	5	05/12/2024			
305	Điện tử số	011100010101	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	50	G303	7:30	5	05/12/2024			
306	Điện tử số	011100010102	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	53	G304	7:30	5	05/12/2024			
307	Quản trị Marketing	010100011903	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G502	9:30	5	05/12/2024	1	1-30	
308	Quản trị Marketing	010100011903	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G501	9:30	5	05/12/2024	2	31-60	
309	Quản trị Marketing	010100011904	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G305	9:30	5	05/12/2024			
310	Quản trị Marketing	010100011905	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G406	9:30	5	05/12/2024			
311	Quản trị Marketing	010100011906	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G307	9:30	5	05/12/2024	1	1-30	
312	Quản trị Marketing	010100011906	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G308	9:30	5	05/12/2024	2	31-58	
313	Độc - Viết 4	010100093006	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G203	9:30	5	05/12/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
314	Đọc - Viết 4	010100093007	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G204	9:30	5	05/12/2024			
315	Đọc - Viết 4	010100093010	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	G303	9:30	5	05/12/2024			
316	Quản trị hiệu quả công việc	010100119701	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G301	9:30	5	05/12/2024	1	1-30	
317	Quản trị hiệu quả công việc	010100119701	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G302	9:30	5	05/12/2024	2	31-60	
318	Quản trị hiệu quả công việc	010100119702	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G202	9:30	5	05/12/2024	1	1-30	
319	Quản trị hiệu quả công việc	010100119702	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G201	9:30	5	05/12/2024	2	31-59	
320	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147901	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	55	G604	9:30	5	05/12/2024	1	1-30	
321	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147901	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	55	G608	9:30	5	05/12/2024	2	31-55	
322	Air transport	010100160601	22FIATA	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	14	G603	9:30	5	05/12/2024			
323	Air Cargo Management	010100162301	23ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	22	G602	9:30	5	05/12/2024			
324	Động cơ và lực đẩy	011100118001	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	36	G304	9:30	5	05/12/2024			
325	Động cơ và lực đẩy	011100118002	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	48	G504	9:30	5	05/12/2024	1	1-25	
326	Động cơ và lực đẩy	011100118002	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	48	G605	9:30	5	05/12/2024	2	26-50	
327	Thiết kế kết cấu nhà thép	011100130001	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	20	G601	9:30	5	05/12/2024			
328	Công tác khai nguy, cứu hộ với sự cơ an ninh hàng không	030100135901	23CDAN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	2	22	D03	9:30	5	05/12/2024			
329	Quản trị Marketing	010100011902	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G202	12:30	5	05/12/2024	1	1-30	
330	Quản trị Marketing	010100011902	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G201	12:30	5	05/12/2024	2	31-60	
331	Quản trị Marketing	010100011908	23ĐHQVTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	51	G204	12:30	5	05/12/2024			
332	Kỹ năng đàm phán	010100094501	22ĐHKVLQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	52	G113	12:30	5	05/12/2024			
333	Kỹ năng đàm phán	010100094502	22ĐHKVLQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	37	G203	12:30	5	05/12/2024			
334	Logistics & Supply Chain Management	010100154901	23ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	24	G301	12:30	5	05/12/2024			
335	Khai thác và quản lý tàu bay	010800071301	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	50	G303	12:30	5	05/12/2024			
336	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	011100014701	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	64	G207	12:30	5	05/12/2024	1	1-45	
337	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	011100014701	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	64	G302	12:30	5	05/12/2024	2	46-66	
338	Kỹ thuật nhiệt	011100064101	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G205	12:30	5	05/12/2024			
339	Kỹ thuật nhiệt	011100064102	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G305	12:30	5	05/12/2024			
340	Kỹ thuật nhiệt	011100064103	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	58	G406	12:30	5	05/12/2024			
341	Kiểm tra trực quan	030100100301	23CDAN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	3	20	D03	12:30	5	05/12/2024			
342	Khí tượng hàng không	011100002901	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G307	14:30	5	05/12/2024	1	1-30	
343	Khí tượng hàng không	011100002901	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G308	14:30	5	05/12/2024	2	31-61	
344	Khí tượng hàng không	011100002902	23ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	28	G202	14:30	5	05/12/2024			
345	Khí tượng hàng không	011100002903	23ĐHKL03	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G302	14:30	5	05/12/2024	1	1-30	
346	Khí tượng hàng không	011100002903	23ĐHKL03	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G301	14:30	5	05/12/2024	2	31-60	
347	Khí tượng hàng không	030100002901	23CDKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	27	G501	14:30	5	05/12/2024			
348	Tính năng tàu bay	030100069801	23CDCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	2	27	G201	14:30	5	05/12/2024			
349	Hệ thống quản lý an toàn HK	010800050801	21ĐHKT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	51	G205	14:30	5	05/12/2024			
350	Lập trình Web	010100085401	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G406	7:30	6	06/12/2024			
351	Lập trình Web	010100085402	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	55	G203	7:30	6	06/12/2024			
352	Lập trình Web	010100085403	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G305	7:30	6	06/12/2024			
353	Lập trình Web	010100085404	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G205	7:30	6	06/12/2024			
354	Lập trình Web	010100085405	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	63	G113	7:30	6	06/12/2024	1	1-45	
355	Lập trình Web	010100085405	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	63	G201	7:30	6	06/12/2024	2	46-63	
356	Nghe - Nói 4	010100092501	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G602	7:30	6	06/12/2024	1	1-10	
357	Nghe - Nói 4	010100092501	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G603	7:30	6	06/12/2024	2	11-20	
358	Nghe - Nói 4	010100092501	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G604	7:30	6	06/12/2024	3	21-30	
359	Nghe - Nói 4	010100092501	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	37	G601	7:30	6	06/12/2024	4	31-38	
360	Nghe - Nói 4	010100092506	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	33	G601	9:30	6	06/12/2024	1	1-12	
361	Nghe - Nói 4	010100092506	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	33	G602	9:30	6	06/12/2024	2	13-24	
362	Nghe - Nói 4	010100092506	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	33	G603	9:30	6	06/12/2024	3	25-33	
363	Quản trị vận tải quốc tế	010100148601	22ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	54	G205	9:30	6	06/12/2024			
364	Quản trị vận tải quốc tế	010100148602	22ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	49	G113	9:30	6	06/12/2024			
365	Nguyên lý truyền thông	011100041701	20ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	13	G201	9:30	6	06/12/2024			
366	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	030100052101	23CDTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	5	60	G305	9:30	6	06/12/2024			
367	Võ thuật 2	030100098901	23CDAN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	2	21	Sân tập 7	9:30	6	06/12/2024			
368	Quản trị doanh thu VTHK	010100023901	22ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	64	G304	12:30	6	06/12/2024	1	1-45	
369	Quản trị doanh thu VTHK	010100023901	22ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	64	G201	12:30	6	06/12/2024	2	46-64	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
370	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	010100092201	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	18	G301	12:30	6	06/12/2024			
371	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	010100092202	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	30	G302	12:30	6	06/12/2024			
372	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	010100092204	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	16	G307	12:30	6	06/12/2024			
373	Quản trị Hợp đồng	010100148701	22ĐHKVQLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	44	G608	12:30	6	06/12/2024	1	1-22	
374	Quản trị Hợp đồng	010100148701	22ĐHKVQLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	44	G605	12:30	6	06/12/2024	2	21-44	
375	Quản trị Hợp đồng	010100148702	22ĐHKVQLQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	59	G609	12:30	6	06/12/2024	1	1-30	
376	Quản trị Hợp đồng	010100148702	22ĐHKVQLQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	59	G504	12:30	6	06/12/2024	2	31-60	
377	Kỹ thuật lập trình	011100009501	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	47	G113	12:30	6	06/12/2024			
378	Kỹ thuật lập trình	011100009502	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	46	G203	12:30	6	06/12/2024			
379	Quản lý và Khai thác hạ tầng cảng hàng không	011100172801	22ĐHXCĐ01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	20	G202	12:30	6	06/12/2024			
380	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	030100030301	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G408	12:30	6	06/12/2024	1	1-30	
381	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	030100030301	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	60	G308	12:30	6	06/12/2024	2	31-59	
382	Kiểm tra bằng công từ và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	030100136901	23CĐAN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	2	19	D03	12:30	6	06/12/2024			
383	Marketing hàng không	010100013201	22ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	60	G406	14:30	6	06/12/2024			
384	Marketing Cảng hàng không	010100018501	22ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	66	G205	14:30	6	06/12/2024			
385	Marketing Cảng hàng không	010100018502	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	66	G305	14:30	6	06/12/2024			
386	Marketing Cảng hàng không	010100018503	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	56	G204	14:30	6	06/12/2024			
387	Quản trị quan hệ lao động	010100137701	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G202	14:30	6	06/12/2024	1	1-30	
388	Quản trị quan hệ lao động	010100137701	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G301	14:30	6	06/12/2024	2	31-59	
389	Quản trị quan hệ lao động	010100137702	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	30	G201	14:30	6	06/12/2024			
390	Quản trị quan hệ lao động	010100137704	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G302	14:30	6	06/12/2024	1	1-30	
391	Quản trị quan hệ lao động	010100137704	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G307	14:30	6	06/12/2024	2	31-59	
392	Marketing quốc tế	010100148301	22ĐHKVLD	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	40	G113	14:30	6	06/12/2024			
393	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001603	23ĐHTT03; 23ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	116	G205	7:30	7	07/12/2024	1	1-70	
394	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001603	23ĐHTT03; 23ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	116	G203	7:30	7	07/12/2024	2	71-116	
395	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001608	23ĐHNL03; 23ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	111	G113	7:30	7	07/12/2024	1	1-50	
396	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001608	23ĐHNL03; 23ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	111	G305	7:30	7	07/12/2024	2	51-111	
397	Quản trị HF Hàng không	010100111401	22ĐHKVKH	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	2	23	G302	7:30	7	07/12/2024			
398	Cân bằng trọng tải	010100158301	22ĐHKVKH	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	26	G201	9:30	7	07/12/2024			
399	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001620	23ĐHQATAN; 23ĐHQTC3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G205	9:30	7	07/12/2024	1	1-70	
400	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001620	23ĐHQATAN; 23ĐHQTC3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G203	9:30	7	07/12/2024	2	71-112	
401	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	011100004002	23ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	2	41	G113	9:30	7	07/12/2024			
402	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không	030100031601	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	2	25	G204	9:30	7	07/12/2024			
403	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001622	23ĐHQTKQ1; 23ĐHQTKQ2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	114	G113	12:30	7	07/12/2024	1	1-45	
404	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001622	23ĐHQTKQ1; 23ĐHQTKQ2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	114	G203	12:30	7	07/12/2024	2	46-90	
405	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001622	23ĐHQTKQ1; 23ĐHQTKQ2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	114	G204	12:30	7	07/12/2024	3	91-114	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
406	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	010100148902	22ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	52	G305	12:30	7	07/12/2024			
407	Đo lường điện tử	011100019903	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	31	G202	12:30	7	07/12/2024			
408	Môi trường và an toàn lao động	011100138701	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	20	G201	12:30	7	07/12/2024			
409	Phân tích và thiết kế thuật giải	010100085001	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	58	G406	14:30	7	07/12/2024			
410	Phân tích và thiết kế thuật giải	010100085002	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	60	G205	14:30	7	07/12/2024			
411	Phân tích và thiết kế thuật giải	010100085003	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	47	G304	14:30	7	07/12/2024			
412	Phân tích và thiết kế thuật giải	010100085004	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	33	G201	14:30	7	07/12/2024			
413	Phân tích và thiết kế thuật giải	010100085005	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	60	G305	14:30	7	07/12/2024			
414	Biên dịch	010100121508	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	37	G203	14:30	7	07/12/2024			
415	Biên dịch	010100121509	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G204	14:30	7	07/12/2024			
416	Biên dịch	010100121510	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	37	G303	14:30	7	07/12/2024			
417	Nghe - Nói 4	010100092502	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	36	G601	7:30	2	09/12/2024	1	1-12	
418	Nghe - Nói 4	010100092502	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	36	G602	7:30	2	09/12/2024	2	13-24	
419	Nghe - Nói 4	010100092502	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	36	G603	7:30	2	09/12/2024	3	25-36	
420	Luật vận tải	010100145101	23ĐHKV01;	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	123	G205	7:30	2	09/12/2024	1	1-70	
421	Luật vận tải	010100145101	23ĐHKV01;	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	123	G204	7:30	2	09/12/2024	2	71-123	
422	Luật vận tải	010100145103	23ĐHKV03;	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	144	G303	7:30	2	09/12/2024	1	1-45	
423	Luật vận tải	010100145103	23ĐHKV03;	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	144	G304	7:30	2	09/12/2024	2	46-90	
424	Luật vận tải	010100145103	23ĐHKV03;	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	144	G202	7:30	2	09/12/2024	3	91-120	
425	Luật vận tải	010100145103	23ĐHKV03; 23ĐHKV04; 23ĐHKV05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	144	G301	7:30	2	09/12/2024	4	121-144	
426	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường bộ và đường sắt	010100147701	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	39	G203	7:30	2	09/12/2024			
427	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	011100129901	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	20	G201	7:30	2	09/12/2024			
428	Tổng quan về Hàng không dân dụng	030100000101	23CDAN01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	40	G207	7:30	2	09/12/2024			
429	Vận tải hàng hóa HK	010100014001	22ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	57	G205	9:30	2	09/12/2024			
430	Vận tải hàng hóa HK	010100014002	22ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	53	G305	9:30	2	09/12/2024			
431	Quản trị thương mại Cảng HK	010100017901	22ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	65	G406	9:30	2	09/12/2024			
432	Quản trị thương mại Cảng HK	010100017902	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	65	G301	9:30	2	09/12/2024	1	1-30	
433	Quản trị thương mại Cảng HK	010100017902	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	65	G207	9:30	2	09/12/2024	2	31-65	
434	Quản trị thương mại Cảng HK	010100017903	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	63	G202	9:30	2	09/12/2024	1	1-30	
435	Quản trị thương mại Cảng HK	010100017903	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	63	G407	9:30	2	09/12/2024	2	31-63	
436	Nghe - Nói 4	010100092503	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	2	09/12/2024	1	1-10	
437	Nghe - Nói 4	010100092503	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	9:30	2	09/12/2024	2	11-20	
438	Nghe - Nói 4	010100092503	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	2	09/12/2024	3	21-30	
439	Nghe - Nói 4	010100092503	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	9:30	2	09/12/2024	4	31-40	
440	Thủ tục hải quan	010100148201	22ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	50	G113	9:30	2	09/12/2024			
441	Thủ tục hải quan	010100148202	22ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	44	G203	9:30	2	09/12/2024			
442	Toán cao cấp A2	011100001101	19ĐHĐT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận	3	4	G201	9:30	2	09/12/2024			ghép phòng
443	Yếu tố con người và An toàn	011100117801	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	39	G303	9:30	2	09/12/2024			
444	Yếu tố con người và An toàn	011100117802	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	49	G304	9:30	2	09/12/2024			
445	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	030100033201	23CDKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Tự luận	3	26	G201	9:30	2	09/12/2024			ghép phòng
446	Kiểm tra giấy tờ an ninh hàng không đối với hành khách đi tàu bay, người vào khu vực hạn chế	030100136101	23CDAN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	2	19	D03	9:30	2	09/12/2024			
447	Quản trị tài chính	010100017101	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G205	12:30	2	09/12/2024			
448	Quản trị tài chính	010100017103	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G305	12:30	2	09/12/2024			
449	Quản trị tài chính	010100017104	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G406	12:30	2	09/12/2024			
450	Quản trị tài chính	010100017105	22ĐHKVLĐ	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	55	G202	12:30	2	09/12/2024	1	1-30	
451	Quản trị tài chính	010100017105	22ĐHKVLĐ	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	55	G201	12:30	2	09/12/2024	2	31-56	
452	Nghe - Nói 4	010100092504	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	29	G601	12:30	2	09/12/2024	1	1-10	
453	Nghe - Nói 4	010100092504	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	29	G602	12:30	2	09/12/2024	2	11-20	
454	Nghe - Nói 4	010100092504	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	29	G603	12:30	2	09/12/2024	3	21-28	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
455	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	010800018801	21ĐHKL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	52	G113	12:30	2	09/12/2024			
456	Quản trị tài chính	010100017102	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G205	14:30	2	09/12/2024			
457	Nghe - Nói 4	010100092505	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	14:30	2	09/12/2024	1	1-10	
458	Nghe - Nói 4	010100092505	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	14:30	2	09/12/2024	2	11-20	
459	Nghe - Nói 4	010100092505	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	14:30	2	09/12/2024	3	21-30	
460	Nghe - Nói 4	010100092505	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	14:30	2	09/12/2024	4	31-40	
461	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074701	22ĐHDT01,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G113	14:30	2	09/12/2024	1	1-50	
462	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074701	22ĐHDT01,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G203	14:30	2	09/12/2024	2	51-100	
463	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074701	22ĐHDT01,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	124	G201	14:30	2	09/12/2024	3	101-125	
464	Tiếng Anh chuyên ngành I - QTDL	010100036501	19ĐHQTDL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	G201	7:30	3	10/12/2024			ghép phòng
465	Thương mại điện tử	010100070801	23ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	59	G205	7:30	3	10/12/2024			
466	Thương mại điện tử	010100070802	23ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	60	G305	7:30	3	10/12/2024			
467	Thương mại điện tử	010100070803	23ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	56	G202	7:30	3	10/12/2024	1	1-30	
468	Thương mại điện tử	010100070803	23ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	56	G204	7:30	3	10/12/2024	2	31-56	
469	Thương mại điện tử	010100070804	23ĐHKV04	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	G302	7:30	3	10/12/2024	1	1-30	
470	Thương mại điện tử	010100070804	23ĐHKV04	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	G307	7:30	3	10/12/2024	2	31-58	
471	Thương mại điện tử	010100070805	23ĐHKV05	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	60	G406	7:30	3	10/12/2024			
472	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	010100095001	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	31	G113	7:30	3	10/12/2024			
473	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	010100095002	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	32	G203	7:30	3	10/12/2024			
474	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	010100095003	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	26	G301	7:30	3	10/12/2024			
475	Thương mại điện tử	010100133201	22ĐHNL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	56	G504	7:30	3	10/12/2024	1	1-30	
476	Thương mại điện tử	010100133201	22ĐHNL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	56	G601	7:30	3	10/12/2024	2	31-56	
477	Thương mại điện tử	010100133202	22ĐHNL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	60	G602	7:30	3	10/12/2024	1	1-30	
478	Thương mại điện tử	010100133202	22ĐHNL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	2	60	G603	7:30	3	10/12/2024	2	31-60	
479	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	011100027701	19ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	4	5	G201	7:30	3	10/12/2024			ghép phòng
480	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000110	23ĐHNL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	55	G205	9:30	3	10/12/2024			
481	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000111	23ĐHNL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G305	9:30	3	10/12/2024			
482	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000112	23ĐHNL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G406	9:30	3	10/12/2024			
483	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000113	23ĐHNL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	55	G201	9:30	3	10/12/2024	1	1-30	
484	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000113	23ĐHNL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	55	G202	9:30	3	10/12/2024	2	31-58	
485	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	34	G601	9:30	3	10/12/2024	1	1-12	
486	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	34	G602	9:30	3	10/12/2024	2	13-24	
487	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	34	G603	9:30	3	10/12/2024	3	25-34	
488	Tuần tra và canh gác	030100026201	23CĐAN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	3	20	D03	9:30	3	10/12/2024			
489	Kỹ năng giao tiếp Kinh doanh	010100094901	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	30	G201	12:30	3	10/12/2024			
490	Kỹ năng giao tiếp Kinh doanh	010100094902	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	26	G202	12:30	3	10/12/2024			
491	Kỹ năng giao tiếp Kinh doanh	010100094903	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	29	G301	12:30	3	10/12/2024			
492	Tiếng Anh Quản trị Du lịch (English for Tourism Administration)	010100095901	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	18	G307	12:30	3	10/12/2024			
493	Tiếng Anh 3	010100111901	23ĐHTT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	25	G303	12:30	3	10/12/2024			
494	Tiếng Anh 3	010100111904	23ĐHTT04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	35	G304	12:30	3	10/12/2024			
495	Thủ tục hải quan	010100148203	22ĐHKVLD	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	40	G205	12:30	3	10/12/2024			
496	Tiếng Anh 3	011100111901	23ĐHDT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	22	G203	12:30	3	10/12/2024			ghép phòng
497	Tiếng Anh 3	011100111903	23ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	35	G113	12:30	3	10/12/2024			
498	Tiếng Anh 3	011100111904	23ĐHKL02,	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	27	G204	12:30	3	10/12/2024			
499	Tiếng Anh	030100059701	20CĐKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	5	2	G203	12:30	3	10/12/2024			ghép phòng
500	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	030100146001	23CĐTM01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	4	10	G302	12:30	3	10/12/2024			
501	Tiếng Anh nghiệp vụ điều hành du lịch	010100096001	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	18	G202	14:30	3	10/12/2024			
502	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK	010100104901	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	43	G203	14:30	3	10/12/2024			
503	Tổng quan về HKDD	011100054804	23ĐHKL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G205	14:30	3	10/12/2024			
504	Tổng quan về HKDD	011100054805	23ĐHKL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G305	14:30	3	10/12/2024			
505	Tiếng Anh chuyên ngành- ANHK	030100024901	23CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	4	23	G301	14:30	3	10/12/2024			
506	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	030100146201	23CĐTM01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	4	35	G113	14:30	3	10/12/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
507	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	030100146202	23CĐTM01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	4	27	G201	14:30	3	10/12/2024			
508	Quản trị kinh doanh lễ hành	010100123401	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G205	7:30	2	16/12/2024			
509	Quản trị kinh doanh lễ hành	010100123402	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	44	G113	7:30	2	16/12/2024			
510	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	010100123701	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	35	G113	9:30	2	16/12/2024			
511	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	010100123702	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	58	G205	9:30	2	16/12/2024			
512	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	010100123703	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	58	G305	9:30	2	16/12/2024			
513	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001609	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	93	G113	12:30	2	16/12/2024	1	1-50	
514	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001609	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	93	G203	12:30	2	16/12/2024	2	51-94	
515	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	010100123801	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G205	12:30	2	16/12/2024			
516	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	010100123802	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	43	G204	12:30	2	16/12/2024			
517	Nghệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141601	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	44	G113	14:30	2	16/12/2024			
518	Nghệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	010100141602	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G205	14:30	2	16/12/2024			
519	Văn hóa ẩm thực	010100138902	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G205	7:30	3	17/12/2024			
520	Văn hóa ẩm thực	010100138903	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	38	G113	7:30	3	17/12/2024			
521	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	010100022101	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	27	G201	9:30	3	17/12/2024			
522	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	010100022102	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G205	9:30	3	17/12/2024			
523	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	010100022103	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	58	G305	9:30	3	17/12/2024			
524	Lịch sử văn minh thế giới	010100140701	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	43	G113	12:30	3	17/12/2024			
525	Lịch sử văn minh thế giới	010100140702	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	35	G203	12:30	3	17/12/2024			
526	Lịch sử văn minh thế giới	010100140703	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	59	G205	12:30	3	17/12/2024			
527	Triết học Mác Lênin	010100074629	24ĐHNL04; 24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	117	G406	7:30	2	30/12/2024	1	1-70	
528	Triết học Mác Lênin	010100074629	24ĐHNL04; 24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	117	G204	7:30	2	30/12/2024	2	71-117	
529	Triết học Mác Lênin	010100074633	24ĐHDLC3; 24ĐHDLC4	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	110	G113	7:30	2	30/12/2024	1	1-50	
530	Triết học Mác Lênin	010100074633	24ĐHDLC3; 24ĐHDLC4	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	110	G203	7:30	2	30/12/2024	2	51-110	
531	Triết học Mác Lênin	011100074603	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	129	G205	7:30	2	30/12/2024	1	1-70	
532	Triết học Mác Lênin	011100074603	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	129	G201	7:30	2	30/12/2024	2	71-100	
533	Triết học Mác Lênin	011100074603	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	129	G202	7:30	2	30/12/2024	3	101-130	
534	Triết học Mác Lênin	011100074606	24ĐHKT03; 24ĐHTĐ03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	99	G305	7:30	2	30/12/2024	1	1-50	
535	Triết học Mác Lênin	011100074606	24ĐHKT03; 24ĐHTĐ03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	99	G207	7:30	2	30/12/2024	2	51-99	
536	Ngữ pháp 1	010100084301	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G203	9:30	2	30/12/2024			
537	Ngữ pháp 1	010100084302	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G205	9:30	2	30/12/2024			
538	Ngữ pháp 1	010100084303	24ĐHNA02; 24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G303	9:30	2	30/12/2024			
539	Ngữ pháp 1	010100084304	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G305	9:30	2	30/12/2024			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
540	Ngữ pháp 1	010100084305	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G204	9:30	2	30/12/2024			
541	Ngữ pháp 1	010100084306	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G304	9:30	2	30/12/2024			
542	Ngữ pháp 1	010100084307	24ĐHNA07; 24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G504	9:30	2	30/12/2024			
543	Ngữ pháp 1	010100084308	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G201	9:30	2	30/12/2024	1	1-20	
544	Ngữ pháp 1	010100084308	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G301	9:30	2	30/12/2024	2	21-41	
545	Ngữ pháp 1	010100084309	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G202	9:30	2	30/12/2024	1	1-20	
546	Ngữ pháp 1	010100084309	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G302	9:30	2	30/12/2024	2	21-41	
547	Ngữ pháp 1	010100084310	24ĐHNA01; 24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G113	9:30	2	30/12/2024			
548	Triết học Mác Lênin	010100074603	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	120	G203	12:30	2	30/12/2024	1	1-45	
549	Triết học Mác Lênin	010100074603	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	120	G204	12:30	2	30/12/2024	2	46-90	
550	Triết học Mác Lênin	010100074603	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	120	G207	12:30	2	30/12/2024	3	91-120	
551	Triết học Mác Lênin	010100074605	24ĐHTT05; 24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	113	G406	12:30	2	30/12/2024	1	1-70	
552	Triết học Mác Lênin	010100074605	24ĐHTT05; 24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	113	G113	12:30	2	30/12/2024	2	71-116	
553	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074614	24ĐHKV01; 24ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	130	G205	12:30	2	30/12/2024	1	1-70	
554	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074614	24ĐHKV01; 24ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	130	G201	12:30	2	30/12/2024	2	71-100	
555	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074614	24ĐHKV01; 24ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	130	G202	12:30	2	30/12/2024	3	101-131	
556	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074616	24ĐHKV03; 24ĐHKVC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	129	G305	12:30	2	30/12/2024	1	1-70	
557	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074616	24ĐHKV03; 24ĐHKVC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	129	G301	12:30	2	30/12/2024	2	71-100	
558	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074616	24ĐHKV03; 24ĐHKVC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	129	G302	12:30	2	30/12/2024	3	101-129	
559	Triết học Mác Lênin	010100074610	24ĐHDL01; 24ĐHDL07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	111	G204	14:30	2	30/12/2024	1	1-50	
560	Triết học Mác Lênin	010100074610	24ĐHDL01; 24ĐHDL07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	111	G202	14:30	2	30/12/2024	2	51-80	
561	Triết học Mác Lênin	010100074610	24ĐHDL01; 24ĐHDL07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	111	G207	14:30	2	30/12/2024	3	81-112	
562	Triết học Mác Lênin	010100074611	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	98	G305	14:30	2	30/12/2024	1	1-70	
563	Triết học Mác Lênin	010100074611	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	98	G201	14:30	2	30/12/2024	2	71-98	
564	Triết học Mác Lênin	010100074613	24ĐHDL01; 24ĐHDL07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	111	G406	14:30	2	30/12/2024	1	1-70	
565	Triết học Mác Lênin	010100074613	24ĐHDL01; 24ĐHDL07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	111	G203	14:30	2	30/12/2024	2	71-112	
566	Triết học Mác Lênin	010100074617	24ĐHQT01; 24ĐHQT07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	118	G303	14:30	2	30/12/2024	1	1-50	
567	Triết học Mác Lênin	010100074617	24ĐHQT01; 24ĐHQT07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	118	G304	14:30	2	30/12/2024	2	51-100	
568	Triết học Mác Lênin	010100074617	24ĐHQT01; 24ĐHQT07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	118	G301	14:30	2	30/12/2024	3	101-119	
569	Triết học Mác Lênin	010100074619	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	114	G205	16:30	2	30/12/2024	1	1-70	
570	Triết học Mác Lênin	010100074619	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	114	G113	16:30	2	30/12/2024	2	71-114	
571	Triết học Mác Lênin	010100074621	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	112	G305	16:30	2	30/12/2024	1	1-70	
572	Triết học Mác Lênin	010100074621	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	112	G203	16:30	2	30/12/2024	2	71-113	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
573	Triết học Mác Lênin	010100074623	24ĐHQT07; 24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	116	G406	16:30	2	30/12/2024	1	1-70	
574	Triết học Mác Lênin	010100074623	24ĐHQT07; 24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	116	G204	16:30	2	30/12/2024	2	71-116	
575	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	011100074604	24ĐAKL01; 24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	110	G207	16:30	2	30/12/2024	1	1-40	
576	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	011100074604	24ĐAKL01; 24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	110	G303	16:30	2	30/12/2024	2	41-80	
577	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	011100074604	24ĐAKL01; 24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	110	G304	16:30	2	30/12/2024	3	81-110	
578	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000102	24ĐHTT02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	65	G205	7:30	3	31/12/2024			
579	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000103	24ĐHTT03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	74	G305	7:30	3	31/12/2024			
580	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000104	24ĐHTT04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G113	7:30	3	31/12/2024	1	1-40	
581	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000104	24ĐHTT04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G201	7:30	3	31/12/2024	2	41-68	
582	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000105	24ĐHTT05	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	67	G406	7:30	3	31/12/2024			
583	Đọc - Viết 1	010100084201	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G304	7:30	3	31/12/2024			
584	Đọc - Viết 1	010100084202	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G202	7:30	3	31/12/2024	1	1-20	
585	Đọc - Viết 1	010100084202	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G301	7:30	3	31/12/2024	2	21-41	
586	Đọc - Viết 1	010100084204	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G203	7:30	3	31/12/2024			
587	Đọc - Viết 1	010100084205	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G204	7:30	3	31/12/2024			
588	Đọc - Viết 1	010100084206	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G303	7:30	3	31/12/2024			
589	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000114	24ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	67	G305	9:30	3	31/12/2024			
590	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000115	24ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	65	G205	9:30	3	31/12/2024			
591	Triết học Mác Lênin	010100074626	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	115	G406	9:30	3	31/12/2024	1	1-70	
592	Triết học Mác Lênin	010100074626	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	115	G113	9:30	3	31/12/2024	2	71-115	
593	Triết học Mác Lênin	010100074627	24ĐHNL02; 24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	117	G203	9:30	3	31/12/2024	1	1-50	
594	Triết học Mác Lênin	010100074627	24ĐHNL02; 24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	117	G204	9:30	3	31/12/2024	2	51-100	
595	Triết học Mác Lênin	010100074627	24ĐHNL02; 24ĐHNL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	117	G201	9:30	3	31/12/2024	3	101-117	
596	Đọc - Viết 1	010100084203	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	43	G303	9:30	3	31/12/2024			
597	Đọc - Viết 1	010100084207	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	H001	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
598	Đọc - Viết 1	010100084207	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	H002	9:30	3	31/12/2024	2	21-41	
599	Đọc - Viết 1	010100084208	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	44	G304	9:30	3	31/12/2024			
600	Đọc - Viết 1	010100084209	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G301	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
601	Đọc - Viết 1	010100084209	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G302	9:30	3	31/12/2024	2	21-40	
602	Đọc - Viết 1	010100084210	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G307	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
603	Đọc - Viết 1	010100084210	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	41	G504	9:30	3	31/12/2024	2	21-41	
604	Đọc - Viết 1	010100084211	24ĐHNA04; 24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G601	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
605	Đọc - Viết 1	010100084211	24ĐHNA04; 24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G602	9:30	3	31/12/2024	2	21-40	
606	Đọc - Viết 1	010100084212	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G603	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
607	Đọc - Viết 1	010100084212	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G604	9:30	3	31/12/2024	2	21-40	
608	Đọc - Viết 1	010100084213	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G605	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
609	Đọc - Viết 1	010100084213	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	G608	9:30	3	31/12/2024	2	21-41	
610	Đọc - Viết 1	010100084214	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	38	G609	9:30	3	31/12/2024	1	1-20	
611	Đọc - Viết 1	010100084214	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	38	G202	9:30	3	31/12/2024	2	21-38	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
612	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000106	24ĐHTT06	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	66	G406	12:30	3	31/12/2024			
613	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000116	24ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	67	G205	12:30	3	31/12/2024			
614	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000117	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G305	12:30	3	31/12/2024			
615	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000118	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G203	12:30	3	31/12/2024			
616	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000101	24ĐAKT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	45	G113	12:30	3	31/12/2024			
617	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000101	24ĐHTT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	82	G406	14:30	3	31/12/2024	1	1-60	
618	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000101	24ĐHTT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	82	G201	14:30	3	31/12/2024	2	61-87	
619	Ngữ pháp 1	010100084311	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	41	G304	14:30	3	31/12/2024			
620	Ngữ pháp 1	010100084312	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	G303	14:30	3	31/12/2024			
621	Ngữ pháp 1	010100084313	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G204	14:30	3	31/12/2024			
622	Ngữ pháp 1	010100084314	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	G203	14:30	3	31/12/2024			
623	Tổng quan về HKDD	011100054801	24ĐHKL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	69	G205	14:30	3	31/12/2024			
624	Tổng quan về HKDD	011100054802	24ĐHKL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	70	G305	14:30	3	31/12/2024			
625	Tổng quan về HKDD (Air Transport Fundamentals)	010100054801	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	73	G113	16:30	3	31/12/2024	1	1-50	
626	Tổng quan về HKDD (Air Transport Fundamentals)	010100054801	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	73	G201	16:30	3	31/12/2024	2	51-73	
627	Triết học Mác Lênin	011100074601	24ĐHDT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	99	G203	16:30	3	31/12/2024	1	1-50	
628	Triết học Mác Lênin	011100074601	24ĐHDT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	99	G204	16:30	3	31/12/2024	2	51-100	
629	Triết học Mác Lênin	011100074602	24ĐHDT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	103	G207	16:30	3	31/12/2024	1	1-50	
630	Triết học Mác Lênin	011100074602	24ĐHDT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	103	G205	16:30	3	31/12/2024	2	51-103	
631	Triết học Mác Lênin	011100074605	24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	133	G305	16:30	3	31/12/2024	1	1-70	
632	Triết học Mác Lênin	011100074605	24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	133	G303	16:30	3	31/12/2024	2	71-100	
633	Triết học Mác Lênin	011100074605	24ĐHKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	133	G304	16:30	3	31/12/2024	3	101-133	
634	Quản trị học	010100058706	24ĐHDLC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	55	G113	7:30	5	02/01/2025			
635	Quản trị học	010100058707	24ĐHDLC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G203	7:30	5	02/01/2025			
636	Quản trị học	010100058708	24ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G207	7:30	5	02/01/2025	1	1-30	
637	Quản trị học	010100058708	24ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G303	7:30	5	02/01/2025	2	31-60	
638	Quản trị học	010100058709	24ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G406	7:30	5	02/01/2025			
639	Quản trị học	010100058710	24ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G201	7:30	5	02/01/2025	1	1-30	
640	Quản trị học	010100058710	24ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G202	7:30	5	02/01/2025	2	31-56	
641	Quản trị học	010100058711	24ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G301	7:30	5	02/01/2025	1	1-30	
642	Quản trị học	010100058711	24ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G302	7:30	5	02/01/2025	2	31-56	
643	Quản trị học	010100058712	24ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G307	7:30	5	02/01/2025	1	1-30	
644	Quản trị học	010100058712	24ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G308	7:30	5	02/01/2025	2	31-56	
645	Quản trị học	010100058724	24ĐHDLC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	55	G408	7:30	5	02/01/2025			
646	Quản trị học	010100058725	24ĐHDLC4	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	55	G501	7:30	5	02/01/2025			
647	Nghe - Nói 1	010100084111	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G604	7:30	5	02/01/2025	1	1-10	
648	Nghe - Nói 1	010100084111	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G603	7:30	5	02/01/2025	2	11-20	
649	Nghe - Nói 1	010100084111	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G602	7:30	5	02/01/2025	3	21-30	
650	Nghe - Nói 1	010100084111	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G601	7:30	5	02/01/2025	4	31-42	
651	Quản trị học	010100058715	24ĐHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G205	9:30	5	02/01/2025			
652	Quản trị học	010100058716	24ĐHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G305	9:30	5	02/01/2025			
653	Quản trị học	010100058717	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	60	G406	9:30	5	02/01/2025			
654	Quản trị học	010100058718	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G201	9:30	5	02/01/2025	1	1-30	
655	Quản trị học	010100058718	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G202	9:30	5	02/01/2025	2	31-59	
656	Quản trị học	010100058719	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G301	9:30	5	02/01/2025	1	1-30	
657	Quản trị học	010100058719	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G302	9:30	5	02/01/2025	2	31-58	
658	Quản trị học	010100058721	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G203	9:30	5	02/01/2025	1	1-30	
659	Quản trị học	010100058721	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G204	9:30	5	02/01/2025	2	31-58	
660	Nghe - Nói 1	010100084112	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G608	9:30	5	02/01/2025	1	1-10	
661	Nghe - Nói 1	010100084112	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	9:30	5	02/01/2025	2	11-20	
662	Nghe - Nói 1	010100084112	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	9:30	5	02/01/2025	3	21-30	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
663	Nghe - Nói 1	010100084112	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	9:30	5	02/01/2025	4	31-41	
664	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017706	24ĐHQT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	59	G305	12:30	5	02/01/2025			
665	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017708	24ĐHQT08	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	57	G205	12:30	5	02/01/2025			
666	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017709	24ĐHQT09	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	53	G406	12:30	5	02/01/2025			
667	Quản trị học (Introduction to Management)	010100058701	24ĐHDL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	52	G203	12:30	5	02/01/2025			
668	Quản trị học (Introduction to Management)	010100058702	24ĐHDL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	51	G204	12:30	5	02/01/2025			
669	Quản trị học (Introduction to Management)	010100058703	24ĐHDL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	51	G113	12:30	5	02/01/2025			
670	Quản trị học	010100058720	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G301	12:30	5	02/01/2025	1	1-30	
671	Quản trị học	010100058720	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	58	G207	12:30	5	02/01/2025	2	31-58	
672	Nghe - Nói 1	010100084113	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	12:30	5	02/01/2025	1	1-10	
673	Nghe - Nói 1	010100084113	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	12:30	5	02/01/2025	2	11-20	
674	Nghe - Nói 1	010100084113	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	12:30	5	02/01/2025	3	21-30	
675	Nghe - Nói 1	010100084113	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	12:30	5	02/01/2025	4	31-41	
676	Nghe - Nói 1	010100084114	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	G603	14:30	5	02/01/2025	1	1-12	
677	Nghe - Nói 1	010100084114	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	G602	14:30	5	02/01/2025	2	13-24	
678	Nghe - Nói 1	010100084114	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	G601	14:30	5	02/01/2025	3	25-35	
679	Toán ứng dụng	011100114602	24ĐHXCDC2	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	66	G204	14:30	5	02/01/2025	1	1-30	
680	Toán ứng dụng	011100114602	24ĐHXCDC2	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	66	G301	14:30	5	02/01/2025	2	31-66	
681	Toán ứng dụng	011100114604	24ĐHXCDC1	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G203	14:30	5	02/01/2025	1	1-30	
682	Toán ứng dụng	011100114604	24ĐHXCDC1	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G303	14:30	5	02/01/2025	2	31-63	
683	Quản trị học (Introduction to Management)	010100058704	24ĐHDL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	48	G204	16:30	5	02/01/2025			
684	Quản trị học	010100058713	24ĐHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	57	G305	16:30	5	02/01/2025			
685	Quản trị học	010100058714	24ĐHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	56	G406	16:30	5	02/01/2025			
686	Quản trị học (Introduction to Management)	010100058722	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	59	G205	16:30	5	02/01/2025			
687	Kinh tế vi mô	010100010404	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G201	7:30	6	03/01/2025	1	1-50	
688	Kinh tế vi mô	010100010404	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G202	7:30	6	03/01/2025	2	51-68	
689	Kinh tế vi mô	010100010405	24ĐHQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G301	7:30	6	03/01/2025	1	1-30	
690	Kinh tế vi mô	010100010405	24ĐHQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	60	G302	7:30	6	03/01/2025	2	31-60	
691	Kinh tế vi mô	010100010406	24ĐHQT02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G303	7:30	6	03/01/2025	1	1-30	
692	Kinh tế vi mô	010100010406	24ĐHQT02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G304	7:30	6	03/01/2025	2	31-57	
693	Kinh tế vi mô	010100010407	24ĐHQT03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G307	7:30	6	03/01/2025	1	1-30	
694	Kinh tế vi mô	010100010407	24ĐHQT03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G308	7:30	6	03/01/2025	2	31-58	
695	Kinh tế vi mô	010100010427	24ĐHDL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	62	G305	7:30	6	03/01/2025			
696	Kinh tế vi mô	010100010428	24ĐHDL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G406	7:30	6	03/01/2025			
697	Nghe - Nói 1	010100084106	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	7:30	6	03/01/2025	1	1-10	
698	Nghe - Nói 1	010100084106	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	7:30	6	03/01/2025	2	11-20	
699	Nghe - Nói 1	010100084106	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	7:30	6	03/01/2025	3	21-30	
700	Nghe - Nói 1	010100084106	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	7:30	6	03/01/2025	4	31-40	
701	Khí động lực học cơ bản	011100059901	24ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	2	67	G205	7:30	6	03/01/2025			
702	Cơ học lý thuyết	011100114402	24ĐHXCDC2	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	39	G204	7:30	6	03/01/2025			
703	Cơ học lý thuyết	011100114403	24ĐHXCDC2	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	43	G203	7:30	6	03/01/2025			
704	Cơ học lý thuyết	011100114405	24ĐHXCDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	46	G113	7:30	6	03/01/2025			
705	Kinh tế vi mô	010100010422	24ĐHDL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	51	G113	9:30	6	03/01/2025			
706	Kinh tế vi mô	010100010423	24ĐHDL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	53	G204	9:30	6	03/01/2025			
707	Kinh tế vi mô	010100010424	24ĐHDL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	49	G203	9:30	6	03/01/2025			
708	Kinh tế vi mô	010100010425	24ĐHDL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	55	G207	9:30	6	03/01/2025			
709	Kinh tế vi mô	010100010429	24ĐHDL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	55	G201	9:30	6	03/01/2025			
710	Kinh tế vi mô	010100010430	24ĐHDL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	55	G301	9:30	6	03/01/2025			
711	Kinh tế vi mô	010100010431	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G303	9:30	6	03/01/2025			
712	Nghe - Nói 1	010100084107	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	9:30	6	03/01/2025	1	1-10	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
713	Nghe - Nói 1	010100084107	24ĐHNA02,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	9:30	6	03/01/2025	2	11-20	
714	Nghe - Nói 1	010100084107	24ĐHNA07,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	9:30	6	03/01/2025	3	21-30	
715	Nghe - Nói 1	010100084107	24ĐHNA02,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	9:30	6	03/01/2025	4	31-40	
716	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010401	24ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	68	G406	12:30	6	03/01/2025			
717	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010402	24ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	66	G305	12:30	6	03/01/2025			
718	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010403	24ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	65	G301	12:30	6	03/01/2025	1	1-30	
719	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010403	24ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	65	G302	12:30	6	03/01/2025	2	31-65	
720	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010421	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	71	G205	12:30	6	03/01/2025			
721	Nghe - Nói 1	010100084108	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	12:30	6	03/01/2025	1	1-10	
722	Nghe - Nói 1	010100084108	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	12:30	6	03/01/2025	2	11-20	
723	Nghe - Nói 1	010100084108	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	12:30	6	03/01/2025	3	21-30	
724	Nghe - Nói 1	010100084108	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	12:30	6	03/01/2025	4	31-41	
725	Vật liệu xây dựng	011100114902	24ĐHXCĐ2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	37	G204	12:30	6	03/01/2025			
726	Vật liệu xây dựng	011100114903	24ĐHXCĐ2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	43	G203	12:30	6	03/01/2025			
727	Vật liệu xây dựng	011100114905	24ĐHXCĐ1	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	46	G113	12:30	6	03/01/2025			
728	Kinh tế vi mô	010100010408	24ĐHQT04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G205	14:30	6	03/01/2025			
729	Kinh tế vi mô	010100010409	24ĐHQT05	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	64	G406	14:30	6	03/01/2025			
730	Kinh tế vi mô	010100010411	24ĐHQT07	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	56	G305	14:30	6	03/01/2025			
731	Nghe - Nói 1	010100084109	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G604	14:30	6	03/01/2025	1	1-10	
732	Nghe - Nói 1	010100084109	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G603	14:30	6	03/01/2025	2	11-20	
733	Nghe - Nói 1	010100084109	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G602	14:30	6	03/01/2025	3	21-30	
734	Nghe - Nói 1	010100084109	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G601	14:30	6	03/01/2025	4	31-40	
735	Kỹ thuật điện	011100064001	24ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	73	G203	14:30	6	03/01/2025	1	1-50	
736	Kỹ thuật điện	011100064001	24ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	73	G202	14:30	6	03/01/2025	2	51-73	
737	Kỹ thuật điện	011100064002	24ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	64	G207	14:30	6	03/01/2025	1	1-50	
738	Kỹ thuật điện	011100064002	24ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	64	G301	14:30	6	03/01/2025	2	51-64	
739	Kỹ thuật điện	011100064003	24ĐAKT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	42	G113	14:30	6	03/01/2025			
740	Kỹ thuật điện	011100064004	24ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	65	G204	14:30	6	03/01/2025	1	1-45	
741	Kỹ thuật điện	011100064004	24ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	65	G201	14:30	6	03/01/2025	2	46-65	
742	Kinh tế vi mô	010100010413	24ĐHQT09	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G308	16:30	6	03/01/2025	1	1-30	
743	Kinh tế vi mô	010100010413	24ĐHQT09	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G307	16:30	6	03/01/2025	2	31-57	
744	Kinh tế vi mô	010100010414	24ĐHNL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G205	16:30	6	03/01/2025			
745	Kinh tế vi mô	010100010415	24ĐHNL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G305	16:30	6	03/01/2025			
746	Kinh tế vi mô	010100010416	24ĐHNL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G406	16:30	6	03/01/2025			
747	Kinh tế vi mô	010100010417	24ĐHNL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G201	16:30	6	03/01/2025	1	1-30	
748	Kinh tế vi mô	010100010417	24ĐHNL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	58	G202	16:30	6	03/01/2025	2	31-58	
749	Kinh tế vi mô	010100010418	24ĐHNL05	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G301	16:30	6	03/01/2025	1	1-30	
750	Kinh tế vi mô	010100010418	24ĐHNL05	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	57	G302	16:30	6	03/01/2025	2	31-57	
751	Nghe - Nói 1	010100084110	24ĐHNA07,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	16:30	6	03/01/2025	1	1-10	
752	Nghe - Nói 1	010100084110	24ĐHNA07,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	16:30	6	03/01/2025	2	11-20	
753	Nghe - Nói 1	010100084110	24ĐHNA07,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	16:30	6	03/01/2025	3	21-30	
754	Nghe - Nói 1	010100084110	24ĐHNA07,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	16:30	6	03/01/2025	4	31-41	
755	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021001	24ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G113	7:30	2	06/01/2025			
756	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021002	24ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	53	G203	7:30	2	06/01/2025			
757	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021004	24ĐHDL04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	47	G201	7:30	2	06/01/2025	1	1-25	
758	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021004	24ĐHDL04	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	47	G202	7:30	2	06/01/2025	2	26-48	
759	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021006	24ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G406	7:30	2	06/01/2025			
760	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021007	24ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G302	7:30	2	06/01/2025	1	1-30	
761	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021007	24ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G301	7:30	2	06/01/2025	2	31-56	
762	Nghe - Nói 1	010100084101	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	7:30	2	06/01/2025	1	1-10	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
763	Nghe - Nói 1	010100084101	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	7:30	2	06/01/2025	2	11-20	
764	Nghe - Nói 1	010100084101	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	7:30	2	06/01/2025	3	21-30	
765	Nghe - Nói 1	010100084101	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	7:30	2	06/01/2025	4	31-41	
766	Linh kiện điện tử	011100009101	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	58	G407	7:30	2	06/01/2025	1	1-30	
767	Linh kiện điện tử	011100009101	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	58	G502	7:30	2	06/01/2025	2	31-59	
768	Linh kiện điện tử	011100009102	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	53	G207	7:30	2	06/01/2025			
769	Linh kiện điện tử	011100009103	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	58	G308	7:30	2	06/01/2025	1	1-30	
770	Linh kiện điện tử	011100009103	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	58	G501	7:30	2	06/01/2025	2	31-59	
771	Khí động lực học cơ bản	011100059902	24ĐHKL02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	2	65	G205	7:30	2	06/01/2025			
772	Khí động lực học cơ bản	011100059903	24ĐAKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	2	55	G305	7:30	2	06/01/2025			
773	Hình họa vẽ kỹ thuật	011100171702	24ĐHXC2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	37	G204	7:30	2	06/01/2025			
774	Hình họa vẽ kỹ thuật	011100171703	24ĐHXC2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	43	G303	7:30	2	06/01/2025			
775	Hình họa vẽ kỹ thuật	011100171705	24ĐHXC01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	46	G304	7:30	2	06/01/2025			
776	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021003	24ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	49	G303	9:30	2	06/01/2025			
777	Nghe - Nói 1	010100084102	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G601	9:30	2	06/01/2025	1	1-12	
778	Nghe - Nói 1	010100084102	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G602	9:30	2	06/01/2025	2	13-24	
779	Nghe - Nói 1	010100084102	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G603	9:30	2	06/01/2025	3	25-36	
780	Nghe - Nói 1	010100084102	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	43	G604	9:30	2	06/01/2025	4	37-43	
781	Air transport Fundamentals	010100171601	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	53	G113	9:30	2	06/01/2025			
782	Pháp luật đại cương	011100000301	24ĐHKL01,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	131	G305	9:30	2	06/01/2025	1	1-60	
783	Pháp luật đại cương	011100000301	24ĐHKL07,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	131	G207	9:30	2	06/01/2025	2	61-100	
784	Pháp luật đại cương	011100000301	24ĐHKL07,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	131	G204	9:30	2	06/01/2025	3	101-132	
785	Pháp luật đại cương (General Law)	011100000303	24ĐHKL07,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	113	G205	9:30	2	06/01/2025	1	1-70	
786	Pháp luật đại cương (General Law)	011100000303	24ĐHKL07,	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	113	G203	9:30	2	06/01/2025	2	71-113	
787	Kinh tế vi mô	010100010410	24ĐHQT06	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	59	G205	12:30	2	06/01/2025			
788	Kinh tế vi mô	010100010412	24ĐHQT08	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	56	G305	12:30	2	06/01/2025			
789	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021008	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G301	12:30	2	06/01/2025	1	1-30	
790	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021008	24ĐHDLC3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	57	G302	12:30	2	06/01/2025	2	31-58	
791	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021009	24ĐHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G202	12:30	2	06/01/2025	1	1-30	
792	Cơ sở văn hóa Việt Nam	010100021009	24ĐHDLC4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G204	12:30	2	06/01/2025	2	31-56	
793	Nghe - Nói 1	010100084103	24ĐHNA03,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	12:30	2	06/01/2025	1	1-10	
794	Nghe - Nói 1	010100084103	24ĐHNA03,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	12:30	2	06/01/2025	2	11-20	
795	Nghe - Nói 1	010100084103	24ĐHNA03,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	12:30	2	06/01/2025	3	21-30	
796	Nghe - Nói 1	010100084103	24ĐHNA03,	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	12:30	2	06/01/2025	4	31-41	
797	Toán cơ sở	011100051705	24ĐAKT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	51	G113	12:30	2	06/01/2025			
798	Toán cơ sở	011100051706	24ĐHTĐ02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	28	G201	12:30	2	06/01/2025			
799	Toán cơ sở	011100051707	24ĐHTĐ03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	36	G203	12:30	2	06/01/2025			
800	Toán cơ sở	011100051708	24ĐHKT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	66	G406	12:30	2	06/01/2025			
801	Nghe - Nói 1	010100084104	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	14:30	2	06/01/2025	1	1-10	
802	Nghe - Nói 1	010100084104	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	14:30	2	06/01/2025	2	11-20	
803	Nghe - Nói 1	010100084104	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	14:30	2	06/01/2025	3	21-30	
804	Nghe - Nói 1	010100084104	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	14:30	2	06/01/2025	4	31-41	
805	Địa lý vận tải	010100109301	24ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	67	G305	14:30	2	06/01/2025			
806	Địa lý vận tải	010100109302	24ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	65	G406	14:30	2	06/01/2025			
807	Địa lý vận tải	010100109303	24ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	67	G301	14:30	2	06/01/2025	1	1-30	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
808	Địa lý vận tải	010100109303	24ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	67	G303	14:30	2	06/01/2025	2	31-67	
809	Địa lý vận tải	010100109304	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	62	G201	14:30	2	06/01/2025	1	1-30	
810	Địa lý vận tải	010100109304	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	62	G202	14:30	2	06/01/2025	2	31-62	
811	Địa lý vận tải	010100109305	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	G302	14:30	2	06/01/2025	1	1-30	
812	Địa lý vận tải	010100109305	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	58	G307	14:30	2	06/01/2025	2	31-58	
813	Sân bay	011100003001	24ĐAKL01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	53	G304	14:30	2	06/01/2025			
814	An toàn điện	011100009201	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	59	G205	14:30	2	06/01/2025			
815	An toàn điện	011100009202	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	50	G113	14:30	2	06/01/2025			
816	An toàn điện	011100009203	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	51	G203	14:30	2	06/01/2025			
817	An toàn điện	011100009204	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	51	G204	14:30	2	06/01/2025			
818	An toàn điện	011100009205	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	35	G207	14:30	2	06/01/2025			
819	Nghe - Nói 1	010100084105	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G601	16:30	2	06/01/2025	1	1-10	
820	Nghe - Nói 1	010100084105	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G602	16:30	2	06/01/2025	2	11-20	
821	Nghe - Nói 1	010100084105	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G603	16:30	2	06/01/2025	3	21-30	
822	Nghe - Nói 1	010100084105	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G604	16:30	2	06/01/2025	4	31-39	
823	Toán cơ sở	011100051701	24ĐHTĐ01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	57	G205	16:30	2	06/01/2025			
824	Toán cơ sở	011100051702	24ĐHTĐ02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	66	G305	16:30	2	06/01/2025			
825	Toán cơ sở	011100051703	24ĐHKT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	74	G203	16:30	2	06/01/2025	1	1-50	
826	Toán cơ sở	011100051703	24ĐHKT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	74	G202	16:30	2	06/01/2025	2	51-75	
827	Toán cơ sở	011100051704	24ĐHKT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	79	G113	16:30	2	06/01/2025	1	1-50	
828	Toán cơ sở	011100051704	24ĐHKT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	79	G201	16:30	2	06/01/2025	2	51-81	
829	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000317	24ĐHKV01; 24ĐHKV07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G205	7:30	3	07/01/2025	1	1-70	
830	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000317	24ĐHKV01; 24ĐHKV07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G201	7:30	3	07/01/2025	2	71-100	
831	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000317	24ĐHKV01; 24ĐHKV03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G202	7:30	3	07/01/2025	3	101-131	
832	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000319	24ĐHKV01; 24ĐHKV63	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	127	G305	7:30	3	07/01/2025	1	1-70	
833	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000319	24ĐHKV01; 24ĐHKV63	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	127	G301	7:30	3	07/01/2025	2	71-100	
834	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000319	24ĐHKV01; 24ĐHKV63	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	127	G302	7:30	3	07/01/2025	3	101-127	
835	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000333	24ĐAKV01; 24ĐAKV07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	59	G406	7:30	3	07/01/2025			
836	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000334	24ĐAKV01; 24ĐAKV67	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	111	G113	7:30	3	07/01/2025	1	1-40	
837	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000334	24ĐAKV01; 24ĐAKV67	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	111	G203	7:30	3	07/01/2025	2	41-80	
838	Pháp luật đại cương (General Law)	010100000334	24ĐAKV01; 24ĐAKV67	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	111	G204	7:30	3	07/01/2025	3	81-111	
839	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010419	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	61	G202	9:30	3	07/01/2025	1	1-30	
840	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	010100010419	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	61	G301	9:30	3	07/01/2025	2	31-61	
841	Pháp luật đại cương	010100000329	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	114	G205	9:30	3	07/01/2025	1	1-70	
842	Pháp luật đại cương	010100000329	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	114	G113	9:30	3	07/01/2025	2	71-114	
843	Pháp luật đại cương	010100000330	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	118	G305	9:30	3	07/01/2025	1	1-70	
844	Pháp luật đại cương	010100000330	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	118	G203	9:30	3	07/01/2025	2	71-118	
845	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162801	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	71	G406	9:30	3	07/01/2025	1	1-50	
846	Giao dịch thương mại quốc tế	010100162801	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	71	G201	9:30	3	07/01/2025	2	51-71	
847	Pháp luật đại cương (General Law)	011100000305	24ĐAKL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	52	G204	9:30	3	07/01/2025			

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
848	Cơ sở dữ liệu	010100037301	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G205	12:30	3	07/01/2025			
849	Cơ sở dữ liệu	010100037302	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G305	12:30	3	07/01/2025			
850	Cơ sở dữ liệu	010100037303	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G406	12:30	3	07/01/2025			
851	Cơ sở dữ liệu	010100037304	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G201	12:30	3	07/01/2025	1	1-30	
852	Cơ sở dữ liệu	010100037304	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G202	12:30	3	07/01/2025	2	31-60	
853	Cơ sở dữ liệu	010100037305	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G301	12:30	3	07/01/2025	1	1-30	
854	Cơ sở dữ liệu	010100037305	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	58	G302	12:30	3	07/01/2025	2	31-60	
855	Cơ sở dữ liệu	010100037306	24ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	53	G113	12:30	3	07/01/2025			
856	Luyện phát âm	010100084403	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	12:30	3	07/01/2025	1	1-20	
857	Luyện phát âm	010100084403	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G602	12:30	3	07/01/2025	2	21-41	
858	Luyện phát âm	010100084406	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G603	12:30	3	07/01/2025	1	1-20	
859	Luyện phát âm	010100084406	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G604	12:30	3	07/01/2025	2	21-41	
860	Luyện phát âm	010100084407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G605	12:30	3	07/01/2025	1	1-20	
861	Luyện phát âm	010100084407	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G608	12:30	3	07/01/2025	2	21-41	
862	Luyện phát âm	010100084408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G504	12:30	3	07/01/2025	1	1-20	
863	Luyện phát âm	010100084408	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G307	12:30	3	07/01/2025	2	21-41	
864	Luyện phát âm	010100084409	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G304	12:30	3	07/01/2025			
865	Luyện phát âm	010100084410	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	G303	12:30	3	07/01/2025			
866	Luyện phát âm	010100084411	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G204	12:30	3	07/01/2025			
867	Pháp luật đại cương	010100000305	24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G205	14:30	3	07/01/2025	1	1-70	
868	Pháp luật đại cương	010100000305	24ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G113	14:30	3	07/01/2025	2	71-115	
869	Pháp luật đại cương	010100000332	24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	113	G305	14:30	3	07/01/2025	1	1-70	
870	Pháp luật đại cương	010100000332	24ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	113	G203	14:30	3	07/01/2025	2	71-113	
871	Luyện phát âm	010100084401	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G304	14:30	3	07/01/2025			
872	Luyện phát âm	010100084402	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G301	14:30	3	07/01/2025	1	1-20	
873	Luyện phát âm	010100084402	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	G202	14:30	3	07/01/2025	2	21-44	
874	Luyện phát âm	010100084404	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G302	14:30	3	07/01/2025	1	1-20	
875	Luyện phát âm	010100084404	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	42	G307	14:30	3	07/01/2025	2	21-42	
876	Luyện phát âm	010100084405	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G504	14:30	3	07/01/2025	1	1-20	
877	Luyện phát âm	010100084405	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	G601	14:30	3	07/01/2025	2	21-41	
878	Luyện phát âm	010100084412	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G303	14:30	3	07/01/2025			
879	Luyện phát âm	010100084413	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	G204	14:30	3	07/01/2025			
880	Luyện phát âm	010100084414	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	31	G201	14:30	3	07/01/2025			
881	Pháp luật đại cương	011100000302	24ĐHKT01; 24ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G407	14:30	3	07/01/2025	1	1-50	
882	Pháp luật đại cương	011100000302	24ĐHKT01; 24ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G308	14:30	3	07/01/2025	2	51-80	
883	Pháp luật đại cương	011100000302	24ĐHKT01; 24ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	130	G406	14:30	3	07/01/2025	3	81-130	
884	Dẫn đường hàng không	011100082001	24ĐAKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	52	G207	14:30	3	07/01/2025			
885	Nhập môn ngành CNTT	010100052501	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G205	16:30	3	07/01/2025			
886	Nhập môn ngành CNTT	010100052502	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	62	G305	16:30	3	07/01/2025			
887	Nhập môn ngành CNTT	010100052503	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G301	16:30	3	07/01/2025	1	1-30	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
888	Nhập môn ngành CNTT	010100052503	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	60	G302	16:30	3	07/01/2025	2	31-60	
889	Nhập môn ngành CNTT	010100052504	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	61	G406	16:30	3	07/01/2025			
890	Nhập môn ngành CNTT	010100052505	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G201	16:30	3	07/01/2025	1	1-30	
891	Nhập môn ngành CNTT	010100052505	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	59	G202	16:30	3	07/01/2025	2	31-61	
892	Nhập môn ngành CNTT	010100052506	24ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	53	G113	16:30	3	07/01/2025			
893	Microeconomics	010100152301	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	53	G305	7:30	4	08/01/2025			
894	Pháp luật đại cương	011100000304	24ĐHKT03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	64	G205	7:30	4	08/01/2025			
895	Linh kiện điện tử	011100009104	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	53	G203	7:30	4	08/01/2025			
896	Linh kiện điện tử	011100009105	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	35	G113	7:30	4	08/01/2025			
897	Pháp luật đại cương	010100000303	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	120	G204	9:30	4	08/01/2025	1	1-50	
898	Pháp luật đại cương	010100000303	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	120	G207	9:30	4	08/01/2025	2	51-120	
899	Pháp luật đại cương	010100000314	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	122	G203	9:30	4	08/01/2025	1	1-50	
900	Pháp luật đại cương	010100000314	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	122	G305	9:30	4	08/01/2025	2	51-122	
901	Pháp luật đại cương	010100000316	24ĐHNA07; 24ĐHNA08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	121	G205	9:30	4	08/01/2025			
902	Pháp luật đại cương	010100000312	24ĐHNA03; 24ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	103	G204	12:30	4	08/01/2025	1	1-52	
903	Pháp luật đại cương	010100000312	24ĐHNA03; 24ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	103	G207	12:30	4	08/01/2025	2	53-104	
904	Pháp luật đại cương	010100000324	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G203	12:30	4	08/01/2025	1	1-50	
905	Pháp luật đại cương	010100000324	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G305	12:30	4	08/01/2025	2	51-113	
906	Pháp luật đại cương	010100000326	24ĐHQT07; 24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G113	12:30	4	08/01/2025	1	1-50	
907	Pháp luật đại cương	010100000326	24ĐHQT07; 24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G205	12:30	4	08/01/2025	2	51-112	
908	Pháp luật đại cương	010100000301	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	123	G203	14:30	4	08/01/2025	1	1-50	
909	Pháp luật đại cương	010100000301	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	123	G207	14:30	4	08/01/2025	2	51-124	
910	Pháp luật đại cương	010100000309	24ĐHNA09; 24ĐHTT09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	56	G305	14:30	4	08/01/2025			
911	Đo lường điện tử	0111000119901	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	56	G205	14:30	4	08/01/2025			
912	Đo lường điện tử	0111000119902	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	43	G113	14:30	4	08/01/2025			
913	Pháp luật đại cương	010100000310	24ĐHNA01; 24ĐHNA07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G203	16:30	4	08/01/2025	1	1-50	
914	Pháp luật đại cương	010100000310	24ĐHNA01; 24ĐHNA07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G207	16:30	4	08/01/2025	2	51-100	
915	Pháp luật đại cương	010100000310	24ĐHNA01; 24ĐHNA07	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	149	G303	16:30	4	08/01/2025	3	101-151	
916	Pháp luật đại cương	010100000320	24ĐHQT01; 24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	118	G204	16:30	4	08/01/2025	1	1-50	
917	Pháp luật đại cương	010100000320	24ĐHQT01; 24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	118	G305	16:30	4	08/01/2025	2	51-118	
918	Pháp luật đại cương	010100000322	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G113	16:30	4	08/01/2025	1	1-50	
919	Pháp luật đại cương	010100000322	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	112	G205	16:30	4	08/01/2025	2	51-112	

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
920	Triết học Mác Lênin	010100074601	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	121	G113	7:30	5	09/01/2025	1	1-50	
921	Triết học Mác Lênin	010100074601	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	121	G203	7:30	5	09/01/2025	2	51-100	
922	Triết học Mác Lênin	010100074601	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	121	G201	7:30	5	09/01/2025	3	101-122	
923	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074630	24ĐAQT01; 24ĐHXC02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	101	G205	7:30	5	09/01/2025	1	1-65	
924	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074630	24ĐAQT01; 24ĐHXC02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	101	G204	7:30	5	09/01/2025	2	66-102	
925	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074631	24ĐHKQ01; 24ĐHXC01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	119	G305	7:30	5	09/01/2025	1	1-70	
926	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074631	24ĐHKQ01; 24ĐHXC01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	119	G207	7:30	5	09/01/2025	2	71-119	
927	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074632	24ĐAKV01; 24ĐHXC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	90	G303	7:30	5	09/01/2025	1	1-45	
928	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	010100074632	24ĐAKV01; 24ĐHXC1	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	90	G304	7:30	5	09/01/2025	2	46-90	
929	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017701	24ĐHQT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	70	G201	9:30	5	09/01/2025	1	1-30	
930	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017701	24ĐHQT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	70	G301	9:30	5	09/01/2025	2	31-70	
931	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017703	24ĐHQT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	73	G302	9:30	5	09/01/2025	1	1-30	
932	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017703	24ĐHQT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	73	G304	9:30	5	09/01/2025	2	31-73	
933	Lý thuyết mạch 1	011100009001	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	53	G113	9:30	5	09/01/2025			
934	Lý thuyết mạch 1	011100009002	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	50	G203	9:30	5	09/01/2025			
935	Lý thuyết mạch 1	011100009003	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	52	G204	9:30	5	09/01/2025			
936	Lý thuyết mạch 1	011100009004	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	51	G207	9:30	5	09/01/2025			
937	Lý thuyết mạch 1	011100009005	24ĐHĐT03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	35	G303	9:30	5	09/01/2025			
938	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017702	24ĐHQT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	59	G205	12:30	5	09/01/2025			
939	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017704	24ĐHQT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	58	G305	12:30	5	09/01/2025			
940	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017705	24ĐHQT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	57	G406	12:30	5	09/01/2025			
941	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017712	24ĐHNL03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	62	G307	12:30	5	09/01/2025	1	1-30	
942	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017712	24ĐHNL03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	62	G308	12:30	5	09/01/2025	2	31-62	
943	Transport Geography	010100171501	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Tự luận	3	53	G204	12:30	5	09/01/2025			
944	Trắc địa	011100115002	24ĐHXC2	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	37	G203	12:30	5	09/01/2025			
945	Trắc địa	011100115003	24ĐHXC02	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	29	G301	12:30	5	09/01/2025			
946	Trắc địa	011100115005	24ĐHXC01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	60	G601	12:30	5	09/01/2025	1	1-30	
947	Trắc địa	011100115005	24ĐHXC01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	60	G602	12:30	5	09/01/2025	2	31-61	
948	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017707	24ĐHQT07	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	80	G204	14:30	5	09/01/2025	1	1-40	
949	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017707	24ĐHQT07	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	80	G207	14:30	5	09/01/2025	2	41-81	
950	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017715	24ĐAQT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	81	G303	14:30	5	09/01/2025	1	1-40	

[illegible]

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
977	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	010100012009	23ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	57							theo lịch riêng của khoa
978	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	010100012011	22ĐHQTTTH	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	59							theo lịch riêng của khoa
979	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	010100012013	22ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	57							theo lịch riêng của khoa
980	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	010100012014	22ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	58							theo lịch riêng của khoa
981	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	010100012015	22ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	59							theo lịch riêng của khoa
982	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	010100012016	22ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	60							theo lịch riêng của khoa
983	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	010100085701	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	80							theo lịch riêng của khoa
984	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	010100085702	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	80							theo lịch riêng của khoa
985	Máy học	010100086701	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	58							theo lịch riêng của khoa
986	Máy học	010100086702	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	59							theo lịch riêng của khoa
987	Máy học	010100086703	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	51							theo lịch riêng của khoa
988	Lập trình mạng	010100086802	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	28							theo lịch riêng của khoa
989	Lập trình mạng	010100086803	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	45							theo lịch riêng của khoa
990	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	010100086901	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	59							theo lịch riêng của khoa
991	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	010100086902	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	58							theo lịch riêng của khoa
992	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	010100086903	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	56							theo lịch riêng của khoa
993	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	010100086904	22ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	58							theo lịch riêng của khoa
994	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	010100086905	22ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	60							theo lịch riêng của khoa
995	Lập trình Python	010100087201	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	62							theo lịch riêng của khoa
996	Lập trình Python	010100087202	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	59							theo lịch riêng của khoa
997	Lập trình Python	010100087203	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	58							theo lịch riêng của khoa
998	Lập trình Python	010100087204	22ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	60							theo lịch riêng của khoa
999	Lập trình Python	010100087205	22ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	49							theo lịch riêng của khoa
1000	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	010100096701	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	64							theo lịch riêng của khoa
1001	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	010100096702	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	3	64							theo lịch riêng của khoa
1002	Quản trị sản xuất và vận hành chuỗi cung ứng	010100148501	22ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	53							theo lịch riêng của khoa
1003	Quản trị sản xuất và vận hành chuỗi cung ứng	010100148502	22ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	50							theo lịch riêng của khoa
1004	Management in Practice 1	010100152101	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Viết báo cáo	1	24							theo lịch riêng của khoa
1005	Air Traffic Services	010100157301	23ĐAQT01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm	3	1							theo lịch riêng của khoa, trắc nghiệm trên giấy
1006	Quản trị đội tàu bay hàng hàng không	010100158101	22ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	Tiểu luận	3	27							theo lịch riêng của khoa
1007	Kỹ năng đàm phán (NNA)	010100159201	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40							theo lịch riêng của khoa
1008	Kỹ năng đàm phán (NNA)	010100159202	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40							theo lịch riêng của khoa
1009	Kỹ năng đàm phán (NNA)	010100159204	22ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	28							theo lịch riêng của khoa
1010	Chuyên đề Marketing Hàng không	010100165001	17ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Bài tập lớn	1	1							theo lịch riêng của khoa
1011	Chuyên đề quản lý hoạt động bay	010800029501	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Báo cáo	2	49							theo lịch riêng của khoa
1012	Vật liệu hàng không	010800034601	20ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Bài tập lớn	3	59							theo lịch riêng của khoa
1013	Tiếng Anh chuyên ngành I - KTHK	010800069301	19ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tiểu luận	3	3							theo lịch riêng của khoa
1014	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - KTHK	010800069401	19ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tiểu luận	3	3							theo lịch riêng của khoa
1015	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	010800102801	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tiểu luận	3	1							theo lịch riêng của khoa
1016	Nghiên cứu và thuyết trình	011100004901	24ĐHKL01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	65							theo lịch riêng của khoa
1017	Nghiên cứu và thuyết trình	011100004902	24ĐHKL02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	66							theo lịch riêng của khoa
1018	Nghiên cứu và thuyết trình	011100004904	24ĐHKT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	67							theo lịch riêng của khoa
1019	Nghiên cứu và thuyết trình	011100004905	24ĐHKT02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	63							theo lịch riêng của khoa
1020	Nghiên cứu và thuyết trình	011100004906	24ĐAKT01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	41							theo lịch riêng của khoa
1021	Nghiên cứu và thuyết trình	011100004907	24ĐHKT03	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	3	64							theo lịch riêng của khoa
1022	Thí nghiệm kỹ thuật điện tử	011100014301	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	33							theo lịch riêng của khoa
1023	Thí nghiệm kỹ thuật điện tử	011100014302	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	34							theo lịch riêng của khoa
1024	Thí nghiệm kỹ thuật điện tử	011100014303	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	33							theo lịch riêng của khoa
1025	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	011100015801	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	42							theo lịch riêng của khoa
1026	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	011100015802	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	1	32							theo lịch riêng của khoa

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số thứ tự	Ghi Chú
1027	Hệ thống thông tin Hàng không	011100016001	21ĐHDT01; 21ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	3	75							theo lịch riêng của khoa
1028	Hệ thống SCADA	011100016401	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	48							theo lịch riêng của khoa
1029	Hệ thống SCADA	011100016402	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	32							theo lịch riêng của khoa
1030	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	011100028001	22ĐHDT01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	3	35							theo lịch riêng của khoa
1031	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	011100028002	22ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	3	42							theo lịch riêng của khoa
1032	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	011100043401	21ĐHDT01; 22ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	3	80							theo lịch riêng của khoa
1033	Hệ thống giám sát phụ thuộc ADSB	011100054401	22ĐHDT01; 22ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	3	67							theo lịch riêng của khoa
1034	Hệ thống thông tin hàng không	011100073001	22ĐHDT01; 22ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	3	69							theo lịch riêng của khoa
1035	Chuyên đề 2	011100073101	21ĐHDT01	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	2	36							theo lịch riêng của khoa
1036	Chuyên đề 2	011100073102	21ĐHDT02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	2	43							theo lịch riêng của khoa
1037	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	011100080801	22ĐHTĐ01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	49							theo lịch riêng của khoa
1038	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	011100080802	22ĐHTĐ02	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	58							theo lịch riêng của khoa
1039	IOT(Internet Of Things)	011100088402	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	2	54							theo lịch riêng của khoa
1040	Hệ thống điều khiển số	011100090301	21ĐHTĐ01; 21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	3	62							theo lịch riêng của khoa
1041	Mobile Robot	011100090401	21ĐHTĐ01; 21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	2	60							theo lịch riêng của khoa
1042	Kỹ thuật điều khiển thủy khí tàu bay	011100091201	21ĐHTĐ01; 21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	2	57							theo lịch riêng của khoa
1043	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	011100091401	21ĐHTĐ01; 21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	3	59							theo lịch riêng của khoa
1044	Thực hành PLC	011100103201	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	49							theo lịch riêng của khoa
1045	Thực hành PLC	011100103202	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Thực hành	2	13							theo lịch riêng của khoa
1046	Cơ học bay 2	011100105901	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Bài tập lớn	3	39							theo lịch riêng của khoa
1047	Cơ học bay 2	011100105902	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Bài tập lớn	3	38							theo lịch riêng của khoa
1048	Thí nghiệm KTHK 2	011100132601	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	2	30							theo lịch riêng của khoa
1049	Thí nghiệm KTHK 2	011100132602	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	2	48							theo lịch riêng của khoa
1050	truyền số liệu và mạng máy tính	011100140001	23ĐHDT01	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	3	65							theo lịch riêng của khoa
1051	Điều khiển thông minh	011100156601	21ĐHTĐ01; 21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Bài tập lớn	2	61							theo lịch riêng của khoa
1052	Kiến trúc công trình	011100170701	22ĐHXTĐ01	Khoa Xây dựng	Tiểu luận	2	20							theo lịch riêng của khoa
1053	Động cơ turbine khí	030100053702	19CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tiểu luận	3	1							theo lịch riêng của khoa
1054	Hệ thống tạo lực đẩy	030100067401	19CĐĐT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	1							theo lịch riêng của khoa
1055	Tính năng tàu bay	030100069802	19CĐĐT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tiểu luận	2	1							theo lịch riêng của khoa

Lập bảng



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh , ngày 06 tháng 11 năm 2024

PHU TRÁCH PHÒNG ĐÀO TẠO



Trần Thiện Lưu